

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA KHUYẾN NGHỊ CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NÊN ĐỌC CÁC THÔNG TIN TRONG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN TRƯỚC KHI QUYẾT ĐỊNH MUA TRÁI PHIẾU. BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY CHƯA ĐƯỢC VÀ SẼ KHÔNG ĐƯỢC PHÊ CHUẨN BỞI BẤT KỲ CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC NÀO TẠI VIỆT NAM



TTC SUGAR

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN
VỀ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU
THEO PHƯƠNG THỨC RIÊNG LẺ
CÔNG TY CỔ PHẦN
THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

(Giấy Đăng ký kinh doanh số 3900244389 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp lần đầu ngày 15/07/1995, thay đổi lần thứ 07 ngày 14/02/2019)

Bản công bố thông tin này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Tổ chức phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

Địa chỉ: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: (0276) 375 3250

Fax: (0276) 383 9834

Đại lý phát hành Trái phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Địa chỉ: Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 7303 5333

Fax: (024) 3776 5928

21

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

CÁC TRÁI PHIẾU VNĐ VỚI TỔNG GIÁ TRỊ MỆNH GIÁ 500 TỶ ĐỒNG ĐÁO HẠN NĂM 2020

Giá phát hành: bằng 100% mệnh giá

Trái Phiếu bằng Đồng Việt Nam, không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo (“Trái Phiếu”) sẽ xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa (“Công ty”, “Tổ Chức Phát Hành” hoặc “TTC-BH”), các Trái Phiếu phát hành cùng đợt tại mọi thời điểm có quyền ưu tiên thanh toán ngang nhau.

Các Trái Phiếu sẽ chịu lãi kể từ Ngày Phát Hành cho đến ngày Ngày Đáo Hạn và/hoặc ngày đến hạn khác để thực hiện mua lại. Tiền lãi Trái Phiếu được trả vào các ngày thanh toán lãi (“Ngày Thanh Toán Lãi”).

Trừ khi được mua lại trước hạn theo thỏa thuận giữa Tổ Chức Phát hành và Người Sở Hữu Trái Phiếu, theo cam kết của Tổ Chức Phát Hành hoặc mua lại trước hạn khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm, Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá vào Ngày Đáo Hạn.

Các nhà đầu tư tiềm năng cần xem kỹ phần “Các Yếu Tố Rủi Ro” để biết về một số yếu tố cần cân nhắc khi đầu tư vào Trái Phiếu.

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY VÀ NỘI DUNG TRONG ĐÓ HOẶC BẤT KỲ THÔNG TIN NÀO ĐƯỢC CUNG CẤP THEO YÊU CẦU PHẢI ĐƯỢC GIỮ BÍ MẬT HOÀN TOÀN. BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY CHƯA ĐƯỢC VÀ SẼ KHÔNG ĐƯỢC BẤT KỲ CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN NÀO CỦA VIỆT NAM HAY BẤT KỲ BỘ NGÀNH NÀO CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM PHÊ DUYỆT.

Bản công bố thông tin này được phát hành ngày 06 tháng 04 năm 2019



MỤC LỤC

KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT	5
PHẦN 1: TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU.....	6
PHẦN 2: THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU.....	8
I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU	8
II. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH	8
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	8
2. Cơ cấu bộ tổ chức của Công ty	15
3. Hoạt động kinh doanh.....	34
4. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án	41
5. Tình hình tài chính	45
III. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU	63
1. Các định nghĩa	63
2. Căn cứ pháp lý của đợt phát hành:	64
3. Việc đáp ứng các điều kiện phát hành trái phiếu của doanh nghiệp:.....	64
4. Mục đích của đợt phát hành trái phiếu	64
5. Tổng giá trị trái phiếu dự kiến phát hành.....	64
6. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu	64
7. Ngày phát hành dự kiến.....	71
8. Phương thức phát hành.....	71
9. Các tổ chức tham gia đợt phát hành	71
10. Quyền của nhà đầu tư sở hữu Trái Phiếu.....	71
11. Cam kết về đảm bảo	73
12. Cam kết của doanh nghiệp phát hành trái phiếu	73
13. NHÀ ĐẦU TƯ MUA TRÁI PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ RỦI RO TRONG VIỆC ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU, HẠN CHẾ VỀ GIAO DỊCH ĐƯỢC ĐẦU TƯ VÀ TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CỦA MÌNH	74
14. Các điều khoản và điều kiện khác	74
IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH VÀ KẾ HOẠCH THANH TOÁN GỐC LÃI CHO NHÀ ĐẦU TƯ	75
1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu	75
2. Phương thức và kế hoạch thanh toán gốc, lãi cho nhà đầu tư.....	75
V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN.....	81
VI. CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU ...	81

1.	Rủi ro về kinh tế.....	81
2.	Rủi ro liên quan đến đợt phát hành.....	84
3.	Rủi ro luật pháp.....	85
4.	Rủi ro đặc thù.....	85
5.	Rủi ro khác.....	86
PHỤ LỤC.....		88



KHÁI NIỆM VÀ TỪ VIẾT TẮT

Bản công bố thông tin: Bản công bố thông tin của Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho công chúng đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư trái phiếu.

Tổ Chức Phát Hành/Công ty/TTC-BH Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa

Điều lệ Điều lệ của CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản công bố thông tin này có nội dung như sau:

UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
ĐVT	Đơn vị tính
NQ	Nghị quyết
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
CDHH	Cổ đông hiện hữu
CDCL	Cổ đông chiến lược
CBCNV	Cán bộ công nhân viên
CP	Cổ phần
KQPH	Kết quả phát hành
CTCP	Công ty cổ phần
ISO	Chứng chỉ quản lý chất lượng quốc tế
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TMCP	Thương mại cổ phần
CN	Chi nhánh
VND	Đơn vị tiền tệ của Việt Nam
USD	Đơn vị tiền tệ của Mỹ

PHẦN 1: TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

- 1. Tên doanh nghiệp phát hành:** Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa
- 2. Loại hình doanh nghiệp:** Công ty đại chúng đã niêm yết
- 3. Tổng số lượng trái phiếu phát hành:** 500 (Năm trăm) trái phiếu
- 4. Tổng giá trị phát hành:** 500.000.000.000 VNĐ (Năm trăm tỷ đồng)
- 5. Mục đích phát hành:** TTC-BH thực hiện việc phát hành trái phiếu nhằm tăng quy mô vốn hoạt động của TCPH.
- 6. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp**
 - (i) Kỳ hạn trái phiếu: 12 tháng
 - (ii) Mệnh giá: 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng/ trái phiếu
 - (iii) Loại hình trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản bảo đảm
 - (iv) Hình thức trái phiếu: Bút toán ghi sổ
 - (v) Lãi suất: Lãi suất cố định là 10,5%/năm (mười phẩy năm phần trăm trên năm);
- 7. Ngày phát hành dự kiến:** 01/05/2019
- 8. Các thông tin khác:**

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA

Địa chỉ : Địa chỉ: Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh

Điện thoại : (0276) 375 3250

Fax: (0276) 383 9834

Website : <http://tcsugar.com.vn>

ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (024) 7303 5333

Fax: (024) 3776 5928

Website : <https://www.kbsec.com.vn/>

TỔ CHỨC LƯU KÝ TRÁI PHIẾU: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (024) 7303 5333

Fax: (024) 3776 5928

Website : <https://www.kbsec.com.vn/>



TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Trụ sở chính : Lầu 28, tòa nhà Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 3824 5252

Fax: (028) 3824 5250

Website : <https://www.ey.com/vn/>



PHẦN 2: THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

- | | |
|----------------------------------|---|
| 1. Doanh nghiệp phát hành | Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa |
| 2. Ông: Phạm Hồng Dương | Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị công ty |
| 3. Ông: Nguyễn Thanh Ngữ | Chức vụ: Tổng giám đốc |
| 4. Ông: Trần Quốc Thảo | Chức vụ: Phó Tổng giám đốc |
| 5. Ông: Lê Phát Tín | Chức vụ: Kế toán trưởng |

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, phù hợp với thực tế hoặc đã được điều tra, thu thập một cách hợp lý.

II. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- | | |
|----------------------|--|
| Tên Doanh nghiệp | : CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG - BIÊN HÒA |
| Tên tiếng Anh | : THANH THANH CONG – BIEN HOA JOIN STOCK COMPANY |
| Địa chỉ trụ sở chính | : Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam |
| Điện thoại | : (0276) 375 3250 |
| Fax | : (0276) 383 9834 |
| Vốn điều lệ | : 5.867.405.520.000 đồng |
| Giấy ĐKKD | : Số 451031000014 do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp ngày 15/07/1995, sau đó đổi thành Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp Công ty Cổ phần số 3900244389 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp và được sửa đổi lần thứ 7 ngày 14/02/2019 |

Quá trình hình thành phát triển

- **Năm 1995:** Công ty TNHH Mía đường Bourbon Tây Ninh (nay là Công ty CP Thành Thành Công - Biên Hòa) thành lập ngày 15/07/1995 do Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư (nay là Bộ Kế hoạch và Đầu tư) cấp. Tiền thân là Công ty liên doanh giữa Tập đoàn Bourbon (Pháp), Tổng Công ty mía đường II và Công ty Mía đường Tây Ninh.
- **Năm 2008:** Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh chính thức niêm yết 44.824.172 cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: SBT.
- **Năm 2009:** Sau khi thực hiện chiến lược đa dạng hóa ngành nghề sản xuất kinh doanh của Tập đoàn Bourbon, Công ty đã tiếp nhận và triển khai dự án Khu công nghiệp. Tháng 10/2009, Công ty chính thức tổ chức Lễ động thổ Vườn Công nghiệp Bourbon An Hòa. Đây là khu công nghiệp sinh thái đầu tiên tại Việt Nam.
- **Năm 2010:** Cuối năm 2010, Tập đoàn Bourbon thoái vốn tại Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh, chuyển nhượng toàn bộ số lượng cổ phần sở hữu cho đối tác Việt Nam, trong đó Công ty cổ phần Đầu tư Thành Thành Công là cổ đông lớn, chiếm 24,5% tổng số lượng cổ phần phát hành của Công ty.
- **Năm 2011:** Lần đầu tiên sau 16 năm thành lập và hoạt động, nhà máy Bourbon Tây Ninh triển khai dự án nâng công suất ép từ 8.000 tấn mía/ngày lên 9.000 tấn mía/ngày. Dự án đã chính thức đã hoàn thành tốt đẹp, tiết kiệm 20% chi phí kế hoạch của dự án. Nhà máy chính thức đưa vào hoạt động với công suất 9.000 tấn trong vụ ép 2011-2012.
- **Năm 2012:** Nhà máy Bourbon Tây Ninh tiếp tục triển khai dự án nâng công suất ép từ 9.000 tấn mía/ngày lên 9.800 tấn mía/ngày. Dự án đã hoàn thành và chính thức đưa vào hoạt động trong vụ ép 2012-2013. Bên cạnh đó, nhà máy cũng đã hoàn thành dự án Affinage (xưởng hòa tan đường thô), đã đưa vào sử dụng tháng 12/2012, góp phần làm gia tăng sản lượng đường RE – vốn là sản phẩm chủ lực của Công ty, đáp ứng nhu cầu thị trường.
- **Năm 2013:** Quý III năm 2013, Công ty phát hành thành công 6.574.200 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong Công ty và tăng vốn điều lệ lên 1.485.000.000.000 (Một ngàn bốn trăm tám mươi lăm tỷ) đồng. Ngày 02/12/2013, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ 13 cho Công ty. Theo đó, Công ty chính thức đổi tên từ Công ty cổ phần Bourbon Tây Ninh sang tên mới là Công ty cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa.
- **Năm 2014:** Công ty vinh dự được Bộ y tế công nhận sản phẩm đạt danh hiệu Thương hiệu vàng thực phẩm Việt Nam 2014. Cùng với sự phát triển không ngừng về quy mô, hoạt động và xu hướng của nền kinh tế, Công ty tiến hành các thủ tục sáp nhập công ty với Công ty cổ phần mía đường Nhiệt Điện Gia Lai nhằm mở rộng thị trường và tăng khả năng cạnh tranh.
- **Năm 2015:** Ngày 24/03/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh lần thứ 14 cho Công ty. Trong đó, Công ty bổ sung ngành nghề kinh doanh như sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai, truyền tải và phân phối điện. Trong năm Công ty phát hành thành công 37.142.358 cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía đường Nhiệt điện Gia Lai (mã cổ phiếu là SEC), tăng vốn điều lệ lên 1.856.423.580.000



đồng. Năm 2015 cũng là năm công ty tròn 20 tuổi, đánh dấu 20 năm hình thành phát triển với những đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội.

- **Năm 2016:** Lần đầu tiên Công ty phát hành gói trái phiếu 1.000.000.000.000 đồng góp phần giúp ổn định dòng tiền, tăng hiệu quả sử dụng vốn, tái cấu trúc hệ thống tài chính. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục phát hành thêm 9.118.675 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động nhằm ghi nhận những đóng góp của CBNV cho sự phát triển của Công ty. Thông qua đợt phát hành này vốn điều lệ tiếp tục tăng lên 1.947.610.330.000 đồng, giúp cho Công ty ổn định nguồn tài chính để triển khai những dự án trong giai đoạn 2016-2020.
- **Năm 2017:** Công ty tiến hành tăng vốn 30% tương đương 58.427.235 cổ phiếu thông qua việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và trả cổ tức cho niên độ 2015-2016. Vốn điều lệ Công ty tăng lên 2.531.882.680.000 đồng giúp TTC-BH trở thành một trong những công ty niêm yết lớn nhất trong ngành. Cũng trong năm 2017, Công ty cũng hoàn tất việc góp vốn đầu tư vào Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu (tiền thân là Công ty TNHH Mía đường Hoàng Anh Gia Lai). Khoản đầu tư này giúp TTC-BH gia tăng các giá trị cộng hưởng để tiếp tục dẫn đầu ngành đường Việt Nam.
- **Năm 2018:** Doanh nghiệp Đường Việt Nam đầu tiên xuất hàng đi Mỹ, ngoài Trung Quốc, Sri Lanka, Myanmar, Singapore, Keynia. Công ty đã hoàn tất mua hơn 61 triệu Cổ phiếu quỹ và đã được phép nâng tỷ lệ sở hữu nước ngoài lên 100%. Bên cạnh đó, TTC-BH đã nâng tầm Quản trị Doanh nghiệp theo tiêu chuẩn quốc tế và thông lệ tốt trên thị trường. Trong năm 2018, công ty đã đạt được công suất ép mía đạt 37.500 tấn mía/ngày, vốn điều lệ đạt 5.570 tỷ đồng, tổng tài sản là 17.793 tỷ đồng và doanh thu thuần đạt mức 10.364 tỷ đồng.

Những thành tích đạt được

- Đạt danh hiệu hàng VN chất lượng cao 2006
- 500 Doanh nghiệp lớn nhất VN năm 2007
- Cup vàng Top 100 Thương hiệu Việt – Hội nhập WTO năm 2008
- Giải thưởng sao vàng Đông Nam Bộ 2008
- Đạt danh hiệu hàng VN chất lượng cao 2009
- Sản phẩm Đường Bonsu đạt hàng VN chất lượng cao năm 2012
- Hàng VN chất lượng cao 2011 – Đường Bonsu
- Giải Bạc chất lượng Quốc Gia năm 2011
- Hàng VN chất lượng cao 2012 – nước chấm gia vị
- 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam
- Giải vàng chất lượng Quốc Gia năm 2012
- Bà Đặng Huỳnh Ước My đạt giải thưởng “Nhà quản lý Xuất sắc thời kỳ đổi mới” năm 2013
- 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam 2014
- Top 30 BCTN tốt nhất
- Top 100 “Cup vàng TOP TEN thương hiệu Việt, ứng dụng khoa học và công nghệ” lần 2 năm 2014



- Giấy chứng nhận Halal Certificate “Refined Sugar Mimosa Premium and BonSu TTCS” ngày 28/08/2014
- Huân chương lao động hạng 3 do Chủ tịch nước trao tặng
- Năm 2015, TTC-BH nhận giải Top 50 Thương hiệu vàng thực phẩm Việt Nam, do Bộ Y tế tổ chức.

Bảng 1: Một số danh hiệu Công ty đã đạt được

STT	Tên chứng nhận	Năm cấp	Tổ chức cấp
1	Đã có thành tích xuất sắc trong cuộc vận động ủng hộ đồng bào miền trung lũ lụt năm 1999	15/12/1999	UBMTTQVN – Tỉnh Tây Ninh
2	Đã hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách NN năm 2001 trước thời gian 60 ngày	12/03/2001	Chủ Tịch UBND Tỉnh Tây Ninh
3	Đã có thành tích hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp thuế năm 2001	22/03/2002	Bộ Tài Chính
4	Đã có thành tích chấp hành tốt chính sách thuế năm 2003	17/03/2004	Bộ Tài Chính
5	Đã có thành tích trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe NLĐ giai đoạn 2001 - 2005	03/06/2006	Bộ Y Tế
6	Đã có thành tích tốt trong công tác ATVSLĐ năm 2006	15/03/2007	Bộ Trưởng BLĐ-TBXH
7	Đã có thành tích phát triển thương hiệu và sản phẩm trong thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế, đạt giải thưởng Sao vàng ĐNB năm 2008	24/07/2008	UBTW Hội Các Nhà DN Trẻ VN
8	Đã có thành tích chấp hành tốt chính sách thuế năm 2008	27/07/2009	Bộ Trưởng Bộ Tài Chính
9	Đã có thành tích chấp hành tốt chính sách thuế và thực hiện nghĩa vụ nộp thuế năm 2009	20/04/2010	Chủ Tịch UBND Tỉnh Tây Ninh
10	Đã có thành tích chấp hành tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2010	27/05/2011	Bộ Trưởng Bộ Tài Chính
11	Đã có nhiều thành tích trong vụ SX 2010 - 2011	18/08/2011	Chủ Tịch UBND Tỉnh Tây Ninh
12	Ông Nguyễn bá Chủ có thành tích trong công tác phát triển mía đường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	29/08/2011	Chủ Tịch UBND Tỉnh Tây Ninh
13	Đã đóng góp kinh phí xây nhà Đại đoàn kết trên địa bàn tỉnh Tây Ninh năm 2011	18/10/2011	Chủ Tịch UBND Tỉnh Tây Ninh
14	Có thành tích đóng góp cho hoạt động của quỹ Khuyến học năm 2012	26/05/2012	Chủ Tịch UBND Tỉnh Tây Ninh
15	Đã có nhiều thành tích trong vụ sản xuất năm 2011 – 2012	06/08/2012	Chủ Tịch UBND Tỉnh Tây Ninh
16	Đã có nhiều thành tích trong công tác ATVSLĐ – Phòng Chống cháy nổ năm 2011	03/09/2012	Chủ Tịch UBND Tỉnh Tây Ninh
17	Đã có nhiều đóng góp “Quỹ đền ơn đáp nghĩa” tỉnh Tây Ninh	08/08/2012	Chủ Tịch UBND Tỉnh Tây Ninh

STT	Tên chứng nhận	Năm cấp	Tổ chức cấp
18	Đã có nhiều thành tích trong vụ sản xuất năm 2012 – 2013	29/03/2013	Chủ Tịch UBND Tỉnh Tây Ninh
19	Đã đạt giải vàng chất lượng Quốc Gia năm 2012, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và hội nhập kinh tế khi vực và thế giới	13/03/2013	Thủ tướng chính phủ nước CH-XH-CN Việt Nam
20	Đã có nhiều đóng góp cho Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	10/06/2013	Chủ Tịch UBND Tỉnh Tây Ninh
21	Đã có thành tích chấp hành tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2012	17/05/2013	Bộ Trưởng Bộ Tài Chính
22	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác xã hội từ thiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh từ năm 2008-2012, góp phần vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ Quốc	03/07/2013	Chủ Tịch Nước CHXHCN Việt Nam
23	Đã có thành tích trong hỗ trợ kinh phí cho thực hiện hoạt động hè năm 2013 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	28/08/2013	Chủ Tịch UBND Tỉnh Tây Ninh
24	Đã hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ nộp thuế trước thời hạn năm 2013	31/12/2013	Chủ Tịch UBND Tỉnh Tây Ninh
25	Đã có nhiều thành tích trong phong trào “Tết vì người nghèo và nạn nhân chất độc màu da cam Dioxin” Xuân Giáp Ngọ 2014 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	22/04/2014	Chủ Tịch Phòng Thương Mại Và Công Nghiệp Việt Nam
26	Đã có thành tích chấp hành tốt chính sách, pháp luật thuế năm 2013	19/05/2014	Bộ Trưởng Bộ Tài Chính

Nguồn: TTC-BH

Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất đường;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện;
- Trồng cây mía;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại (các thiết bị trong ngành mía đường);
- Tư vấn kỹ thuật, công nghệ trong ngành sản xuất mía đường;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng;
- Buôn bán thực phẩm;
- Buôn bán đồ uống;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (siêu thị, nhà hàng, khách sạn);



- Xây dựng và kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp;
- Đầu tư tài chính thông qua các hoạt động: đầu tư vốn vào các công ty cùng ngành và các đối tác chiến lược, đầu tư vốn vào lĩnh vực bất động sản, mua bán chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán; và
- Các ngành khác mà luật pháp không cấm.

Quá trình tăng vốn của Công ty
Bảng 2: Quá trình tăng vốn

STT	Thời gian	Quy mô tăng vốn	Hình thức tăng vốn	Đối tượng chào bán	Căn cứ pháp lý
1	08/2013	6.574.200	Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động	Cổ đông hiện hữu và CBCNV	Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013
2	10/2015	37.142.358	Phát hành thêm cổ phiếu để thực hiện hoán đổi	Cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 02/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/09/2014 của ĐHĐCĐ; - Nghị quyết số 14/2014/NQ-HĐQT ngày 22/10/2014 của HĐQT; - Giấy chứng nhận đăng ký phát hành cổ phiếu để hoán đổi số 49/GCN-UBCK ngày 27/07/2015;
3	07/2016	9.118.675	Phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động	Cổ đông hiện hữu và CBCNV	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 02/2015/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/12/2015 của ĐHĐCĐ; - Nghị quyết 08/2016/NQ-HĐQT ngày 18/12/2015 của HĐQT; và - Văn bản số 2354/UBCK-QLCB ngày 06/05/2016 của UBCKNN v/v phát hành theo chương trình lựa chọn người lao động của SBT;
4	10/2016	58.427.235	Phát hành cổ phiếu để tạm ứng cổ tức và tăng vốn từ nguồn	Cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 01/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 03/08/2016 của ĐHĐCĐ (thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ



STT	Thời gian	Quy mô tăng vốn	Hình thức tăng vốn	Đối tượng chào bán	Căn cứ pháp lý
			vốn chủ sở hữu		<p>đồng bản văn bản);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết 18/2016/NQ-HĐQT ngày 04/08/2016 của HĐQT; và - Công văn số 5871/UBCK-QLCB ngày 01/09/2016 của UBCKNN v/v phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn CSH và trả cổ tức của SBT
5	12/2018	29.721.879	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	CĐHH	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 01/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17/10/2018 của ĐHĐCĐ; - Nghị quyết 30/2018/NQ-HĐQT ngày 07/12/2018 của HĐQT; và - Văn bản số 8479/UBCK-QLCB ngày 27/12/2018 của UBCKNN v/v phát hành cổ phiếu trả cổ tức của SBT

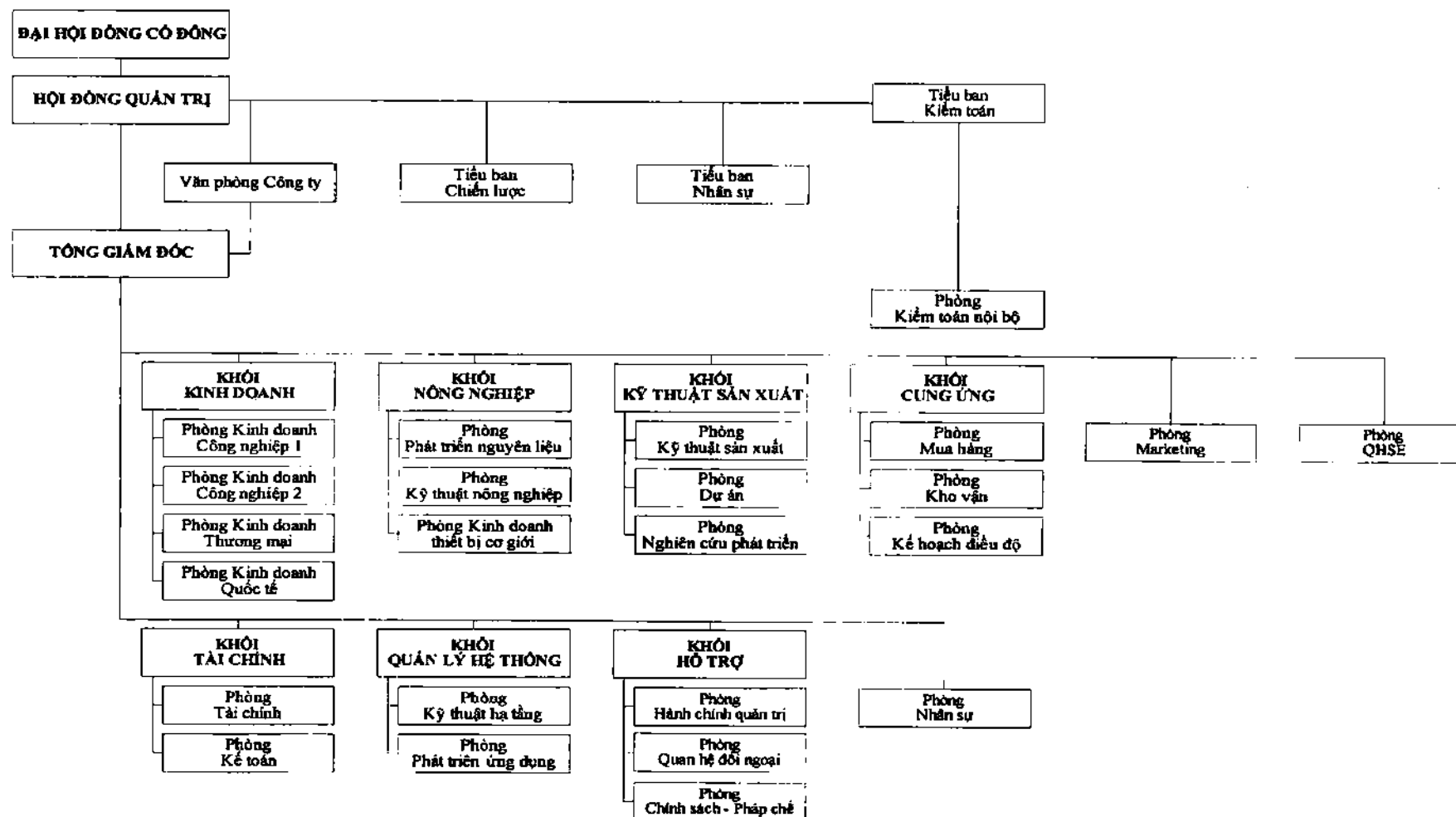
Nguồn: TTC-BH



2. Cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty

Cơ cấu bộ máy tổ chức của Công ty thể hiện chi tiết cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm đưa ra Bản Công Bố Thông Tin này

Hình 1: Cơ cấu tổ chức



2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại Hội Đồng Cổ Đông là cơ quan quản lý cao nhất của Tổ Chức Phát Hành, có vai trò trong việc quyết định các vấn đề về việc bầu các thành viên trong Hội Đồng Quản Trị; từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất; quyết định mua lại trên 10% số cổ phần của Tổ Chức Phát Hành đã phát hành và quyết định trong một số vấn đề quan trọng như sau:

- Bổ sung, sửa đổi Điều Lệ của Tổ Chức Phát Hành, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán quy định tại Điều lệ Tổ Chức Phát Hành;
- Bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị;
- Xem xét xử lý các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị gây thiệt hại cho Tổ Chức Phát Hành và các cổ đông của Tổ Chức Phát Hành;
- Quyết định tổ chức lại, giải thể Tổ Chức Phát Hành; và
- Và các quyền khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2.2. Hội đồng quản trị

Hội Đồng Quản Trị của Tổ Chức Phát Hành được lựa chọn dựa trên cơ sở cuộc họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông của Tổ Chức Phát Hành. Hội Đồng Quản Trị có những quyền cơ bản sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Tổ Chức Phát Hành;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc, quyết định mức lương và các lợi ích khác của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Quyết định việc phát hành trái phiếu, đề xuất các phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước trình Đại hội đồng cổ đông quyết định;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;



- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 70% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty; và
- Và các quyền khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Bảng 3: Hội Đồng Quản Trị của Tổ Chức Phát Hành bao gồm có 6 thành viên.

STT	Tên	Chức vụ	Năm sinh	Ghi chú
1	Ông Phạm Hồng Dương	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị	1974	
2	Bà Đặng Huỳnh Úc My	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	1981	
3	Ông Henry Chung	Thành viên Hội Đồng Quản Trị Độc lập	1974	
4	Bà Nguyễn Thùy Vân	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	1980	Từ ngày 20/11/2017 bắt đầu là TV HĐQT
5	Ông See Beow Tean	Thành viên Hội Đồng Quản Trị Độc lập	1953	Từ ngày 20/11/2017 bắt đầu là TV HĐQT
6	Ông Lê Ngọc Thông	Thành viên Hội Đồng Quản Trị	1972	Từ ngày 15/11/2018 bắt đầu là TV HĐQT

Nguồn: TTC-BH



Ông Phạm Hồng Dương

Họ và tên: Phạm Hồng Dương
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 01/06/1974
Nơi sinh: Lào Cai
Quốc tịch: Việt Nam
Số CMND: 290563876
Cấp ngày: 11/11/2011
Nơi cấp: CA Tây Ninh
Địa chỉ thường trú: 463, Trưng Nữ Vương, Thái Bình, Châu Thành, Tây Ninh
Số ĐT liên lạc: 066 3753250
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa, Thạc sĩ Quản trị sản xuất

Ông Phạm Hồng Dương đã được bầu vào Hội Đồng Quản Trị của Tổ Chức Phát Hành và đồng thời được bầu làm Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị từ ngày 27/02/2015. Trước khi được bầu vào Hội Đồng Quản Trị, ông Dương công tác ở những đơn vị sau:

- 02/2015 đến nay : Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (nay là Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa)
- 2013 đến 02/2015 : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- 2011 đến 2012 : Phó Tổng giám đốc Kỹ thuật Công ty CP Bourbon Tây Ninh
- 2009 đến 2011 : Giám đốc nhà máy Công ty CP Bourbon Tây Ninh
- 1998 đến 2009 : Cán bộ Công ty CP Bourbon Tây Ninh



Bà Đặng Huỳnh Ước My

Họ và tên: Đặng Huỳnh Ước My
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 12/12/1981
Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
Quốc tịch: Việt Nam
Số CMND: 023338768
Cấp ngày: 16/11/2010
Nơi cấp: CA Tp.HCM
Địa chỉ thường trú: 89 Cao Văn Ngọc, Phường Phú Trung, Quận Tân Phú, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam
Số ĐT liên lạc: 066 3753250
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Bà Đặng Huỳnh Ước My đã được bầu vào Hội Đồng Quản Trị của Tổ Chức Phát Hành từ ngày 12/04/2012. Trước khi được bầu vào Hội Đồng Quản Trị, bà My công tác ở những đơn vị sau:

- 2015 – nay : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (nay là Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa)
- 2012 – 2015 : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- 2009 – 2012 : Tổng giám đốc Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công
- 2006 – 2009 : Công tác tại Công ty CP SX-TM Thành Thành Công



Ông Henry Chung

Họ và tên: Henry Chung
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 15/10/1974
Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
Quốc tịch: Mỹ
Số CMND: F1624579
Cấp ngày: 12/08/2015
Nơi cấp: California
Địa chỉ thường trú: 1608 Tyler Dr, Fullerton, CA 92835
Số ĐT liên lạc: (061) 3 836 199
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Trước khi được bầu vào Hội Đồng Quản Trị, ông Henry Chung đã công tác ở những đơn vị sau:

- 2017- nay : Thành viên HĐQT CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa
- 2016 – 2017 : Thành viên HĐQT CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- 2015 – 2017 : Thành viên HĐQT CTCP Đường Biên Hòa

Bà Nguyễn Thùy Vân

Họ và tên: Nguyễn Thùy Vân
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 11/3/1980
Nơi sinh: Thành phố Hồ Chí Minh
Quốc tịch: Việt Nam
Số CMND: 023339516
Cấp ngày: 15/11/2011
Nơi cấp: Công an TP.HCM
Địa chỉ thường trú: 108/8 Trần Mai Ninh, Phường 12, Quận Tân Bình, TP.HCM, Việt Nam.
Số ĐT liên lạc: (061) 3 836 199
Trình độ văn hóa: Cao học

Bà Nguyễn Thùy Vân đã được bầu vào Hội Đồng Quản Trị của Tổ Chức Phát Hành từ ngày



20/11/2017. Trước khi được bầu vào Hội Đồng Quản Trị, bà Vân công tác ở những đơn vị sau:

- 2017 – nay : Thành viên HĐQT CTCP Thành Thành Công – Biên Hòa
- 2015 – 2017 : Thành viên BKS CTCP Đường Biên Hòa
- 2012 – 2017 : Trưởng BKS CTCP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- 2011 – 2012 : Phó TGD Công ty Cổ phần Kho vận Thiên Sơn
- 2009 – 2011 : Phó Giám đốc CTCP Giao dịch Hàng hóa Sơn Tín
- 2008 – 2009 : Trưởng phòng Giao dịch hàng hóa phái sinh CTCP Tín Việt
- 2007 – 2008 : Trưởng phòng Đầu tư CN Công ty Cao su Đak Lak
- 2004 – 2006 : Trưởng phòng Tài chính CTCP Vinamit

Ông See Beow Tean

Họ và tên: See Beow Tean
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 04/12/1953
Nơi sinh: Malaysia
Quốc tịch: Malaysia
Số hộ chiếu: A27315479
Địa chỉ thường trú: 8 Keppel Bay Drive #01-07, Singapore 098639
Số ĐT liên lạc: + 65 98242162
Trình độ chuyên môn: Han Chiang High School Malaysia “A” level Certificate

Ông See Beow Tean đã được bầu vào Hội Đồng Quản Trị của Tổ Chức Phát Hành từ ngày 20/11/2017. Trước khi được bầu vào Hội Đồng Quản Trị, ông đã công tác ở những đơn vị sau:

- 2016- nay : Cố vấn kinh doanh thương mại đường của Global Mind Singapore Ltd. , Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa
- 2001-2010 : Giám đốc điều hành tại Windsor and Brook Trading Pte Ltd
- 1992-2000 : Giám đốc kinh doanh tại E D AND F MAN ASIA LTD Hongkong and Singapore
- 1980-1992 : Quản lý nhà hàng tại Forutune Star (S) Pte Ltd Singapore
- 1975-1980 : Giám sát bán hàng tại Diethlem co Ltd (M) Malaysia

Ông Lê Ngọc Thông

Họ và tên: Lê Ngọc Thông
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 20/10/1972
Nơi sinh: An Giang
CMND/hộ chiếu: 022442043
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 81D Ngô Tất Tố, Phường 22, Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Số ĐT liên lạc: 0903696701
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Ông Lê Ngọc Thông đã được bầu vào Hội Đồng Quản Trị của Tổ Chức Phát Hành từ ngày 15/11/2018. Trước khi được bầu vào Hội Đồng Quản Trị, ông đã công tác ở những đơn vị sau:

- Từ 15/11/2018 đến nay : Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa
- Từ 26/1/2018 đến 17/7/2018 : Chủ tịch Công ty Cổ phần Thương mại XNK Biên Hoà
- Từ 2017 đến 30/6/2018 : Phó Chủ tịch Công ty Cổ phần Giáo dục Thành Thành Công
- Từ 2016 đến 2017 : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần XNK Bến Tre
- Từ 2015 đến 2016 : Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- Từ 2014 đến 2015 : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần đường Biên Hoà
- Từ 2012 đến 2014 : Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thắng Lợi
- Từ 2011 đến 2012 : Giám đốc Thương mại Công ty Cổ phần Đặng Thành và Công ty CP Bao bì Tiền Giang
- Từ 2010 đến 2011 : Giám đốc ngành hàng Tập đoàn Phú Thái
- Từ 2008 đến 2009 : Giám đốc Kinh doanh và Tiếp thị Tập đoàn Kinh thời trang Ánh Rạng
- Từ 2001 đến 2007 : Giám đốc Kinh doanh và tiếp thị Tập đoàn Unilever



Quan hệ gia đình

Không có bất kỳ mối quan hệ gia đình nào giữa các thành viên Hội Đồng Quản Trị với nhau.

2.3. Tiểu Ban kiểm toán

Dựa theo mô hình Quản trị Công ty mới được áp dụng theo chuẩn quốc tế và thông lệ tốt trên thị trường, TBKT đã được thành lập trực thuộc HĐQT thay thế BKS trước đây kể từ ngày 15/5/2018. Tiểu ban gồm 03 Thành viên trong đó đảm bảo 2/3 số Thành viên Tiểu ban là Thành viên HĐQT độc lập, nhằm thực hiện chức năng giám sát và kiểm soát một cách độc lập, minh bạch đối với việc điều hành công ty. Mô hình mới này được vận hành dưới sự nỗ lực của HĐQT và TBKT sẽ bảo vệ tốt nhất quyền lợi của Cổ đông, Nhà đầu tư và hướng đến phát triển bền vững của TTC-Biên Hòa.

Hiện nay, Tiểu Ban kiểm toán của TTC-BH có 03 thành viên trong đó có một Trưởng ban và 02 thành viên.

Bảng 4: Danh sách thành viên Tiểu Ban Kiểm toán

STT	Tên	Chức vụ	Năm sinh	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thùy Vân	Trưởng Tiểu ban kiêm Thành viên HĐQT	1980	Vui lòng xem phần giới thiệu trang 21
2	Ông See Beow Tean	Thành viên Tiểu ban kiêm Thành viên HĐQT độc lập	1953	Vui lòng xem phần giới thiệu trang 22
3	Ông Henry Chung	Thành viên Tiểu ban kiêm Thành viên HĐQT độc lập	1974	Vui lòng xem phần giới thiệu trang 20

Nguồn: TTC-BH

2.4. Các Cán Bộ Quản Lý của Tổ Chức Phát Hành

Nhóm các Cán Bộ Quản Lý của Tổ Chức Phát Hành được bổ nhiệm bởi Hội Đồng Quản Trị hiện tại bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế Toán Trưởng và có thể bổ sung do Hội Đồng Quản Trị xác định tùy từng thời điểm. Ngoại trừ vị trí Tổng Giám Đốc, nhóm các Cán Bộ Quản Lý của Tổ Chức Phát Hành không có nhiệm kỳ cụ thể.

Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám Đốc sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định và hợp đồng với những Cán Bộ Quản Lý khác sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám Đốc.

Các Cán Bộ Quản Lý có những nghĩa vụ sau đây:

- Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, mẫn cán vì lợi ích của Tổ Chức Phát Hành và cổ đông của Tổ Chức Phát Hành;
- Không được lạm dụng địa vị và quyền hạn, sử dụng tài sản của Tổ Chức Phát Hành để thu lợi riêng cho bản thân, cho người khác, không được tiết lộ bí mật của Tổ Chức Phát Hành, trừ trường hợp Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; và



- Khi Tổ Chức Phát Hành không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn thì: (i) phải thông báo tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành cho tất cả chủ nợ biết; (ii) không được tăng tiền lương, không được trả tiền thưởng cho công nhân viên của Tổ Chức Phát Hành, kể cả cho người quản lý; (iii) phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ do không thực hiện nghĩa vụ quy định tại hai điểm trên; (iv) kiến nghị biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính của Tổ Chức Phát Hành.

Ngoài ra, Tổng Giám Đốc còn có những trách nhiệm sau đây:

- Quyết định về tất cả các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Tổ Chức Phát Hành;
- Tổ chức thực hiện các quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổ Chức Phát Hành;
- Kiến nghị phương án bố trí cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Tổ Chức Phát Hành;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Tổ Chức Phát Hành, trừ các chức danh do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm, miễn chức, cách chức; và
- Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Tổ Chức Phát Hành, kể cả cán bộ quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám Đốc.

Bảng 5: Những Cán Bộ Quản Lý của Tổ Chức Phát Hành hiện tại

STT	Tên	Chức vụ	Năm sinh	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Tổng Giám đốc	1987	Từ tháng 11/2014 đến nay
2	Bà Dương Thị Tô Châu	Phó Tổng Giám đốc	1973	Từ năm 2013 đến nay
3	Ông Trần Quốc Thảo	Phó Tổng Giám đốc	1979	Từ ngày 12/02/2018 bắt đầu là Phó TGD
4	Ông Lê Quang Hải	Phó Tổng Giám đốc	1964	Từ ngày 05/12/2017 bắt đầu là Phó TGD
5	Ông Nguyễn Quốc Việt	Phó Tổng Giám đốc	1977	Từ ngày 01/07/2017 bắt đầu là Phó TGD
6	Bà Đoàn Vũ Uyên Duyên	Giám đốc tài chính	1987	Từ ngày 05/09/2018 bắt đầu là Giám đốc tài chính
7	Ông Lê Phát Tín	Kế toán Trưởng	1981	Từ 16/7/2015 đến nay

Nguồn: TTC-BH



Ông Nguyễn Thanh Ngữ

Họ và tên: Nguyễn Thanh Ngữ
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 12/02/1987
Nơi sinh: Thân Cửu Nghĩa, Châu Thành, Tiền Giang
CMND/hộ chiếu: 311881821
Cấp ngày: 22/07/2016
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 731/1 ấp Thân Bình, xã Thân Cửu Nghĩa, Châu Thành, Tiền Giang
Số ĐT liên lạc: 0663.753.250
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Ông Nguyễn Thanh Ngữ giữ chức vụ Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành từ ngày 01/11/2014. Trước đó, ông Ngữ đã công tác ở những đơn vị sau:

- 11/2014 – nay : Tổng giám đốc Công ty CP Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (nay là Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa)
- Từ 2016 – nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Mía đường Tây Ninh
- Từ 2016 – nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Nước Trong.
- Từ 2016 – nay : Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP Khoai mì Tây Ninh
- Từ 2016 – nay : Phó Chủ tịch Hội đồng thành viên Công Ty TNHH Tapioca Việt Nam
- 05/2014 – 10/2014 : Tổng giám đốc Công ty CP Mía đường - Nhiệt điện Gia Lai
- 01/2013 – 03/2014 : Phó TGD Thường trực Công ty CP Đường Ninh Hòa



Bà Dương Thị Tô Châu

Họ và tên: Dương Thị Tô Châu
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 19/01/1973
Nơi sinh: Thị Xã Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
CMND/hộ chiếu: 024986895
Cấp ngày: 11/11/2008
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 491/44 Huỳnh Văn Bánh ,P14, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
Số ĐT liên lạc: 08-62926918
Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế

Bà Dương Thị Tô Châu giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành từ ngày 13/10/2014. Trước đó bà Châu đã công tác ở những đơn vị sau:.

- 2016 - 2017 : Giám đốc kinh doanh Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
- 2013 – nay : Công tác tại CTCP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh (nay là Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa)
- 2010 – 2013 : Giám Đốc Thương Mại Công Ty CP Bourbon Tây Ninh
- 2007 – 2010 : Công ty CP NIVL : Phụ trách Phòng Tiếp Thị và Kinh Doanh
- 2001 – 2006 : Công Ty TNHH Nagarjuna Internatial (Vietnam) LTD: Giám sát phòng Tiếp Thị & KD
- 1997 – 2000 : Cty TNHH Nagarjuna Int(VN): Điều Hành Tiếp Thị và Kinh Doanh
- 1996 – 1997 : Công Ty TNHH NIKE Việt Nam: Giám Sát Phòng Xuất Nhập khẩu



Ông Trần Quốc Thảo

Họ và tên: Trần Quốc Thảo
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 24/04/1979
CMND/hộ chiếu: 271388525
Cấp ngày: 01/07/2002
Nơi cấp: CA Đồng Nai
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 9A Cư xá Giấy Tân Mai, khóm I, P. Thống Nhất, TP.Biên Hòa, Đồng Nai
Số ĐT liên lạc: 0901233686 - 0908380236
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính doanh nghiệp

Ông Trần Quốc Thảo đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành, trước đó ông Thảo đã công tác ở những đơn vị sau:

- 2017 – Nay : Chủ tịch Công Ty TNHH MTV Đường TTC Biên Hòa – Đồng Nai;
- 2016 – 2017 : Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa
- 2015 – 2016 : Phó Tổng giám đốc tài chính Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa.
- 2014 – 2015 : Phó Tổng giám đốc thường trực Công ty cổ phần Đường Ninh Hòa.
- 2012 – 2014 : Giám đốc Khối KD&HT Công ty cổ phần Đường Ninh Hòa.
- 2011 – 2012 : Phó Giám đốc Công ty cổ phần Khai thác& QL KCN Đặng Huỳnh
- 2010 – 2011 : Trưởng phòng Đầu tư Công ty CPXD và KD Nhà Đại Phúc – Dafuco
- 2006 – 2009 : Chuyên viên phân tích dự án Công ty CP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín – Sacomreal.



Ông Lê Quang Hải

Họ và tên:	Lê Quang Hải
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	12/04/1964
Nơi sinh	Thừa Thiên Huế
CMND/hộ chiếu:	271751263
Cấp ngày:	04/03/2017
Nơi cấp:	CA Đồng Nai
Quốc tịch:	Việt Nam
Địa chỉ thường trú:	208 KP10 An Bình, Biên Hòa, Đồng Nai.
Số ĐT liên lạc:	0663.753.250
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư hóa thực phẩm

Ông Lê Quang Hải đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành, trước đó ông đã công tác ở những đơn vị sau:

- 2017 - nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Thành Thành Công – Biên Hòa
- 2015 – 2016 : Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- 2014 – 2015 : Phó Tổng giám đốc phụ trách khối Kỹ thuật sản xuất Công ty Cổ Phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- 2013 – 2014 : Phó Tổng giám đốc phụ trách khối Kỹ thuật sản xuất Công ty Cổ Phần Đường Biên Hòa
- 2008 – 2013 : Giám đốc dự án Công ty Cổ Phần Đường Biên Hòa
- 1998 – 2007 : Trưởng Phòng Kỹ thuật Công ty Cổ Phần Đường Biên Hòa



Ông Nguyễn Quốc Việt

Họ và tên: Nguyễn Quốc Việt
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 27/03/1977
Nơi sinh: Vĩnh Long
CMND/hộ chiếu: 024 650 085
Cấp ngày: 01/11/2006
Nơi cấp: Tp HCM
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 32/114, Khuông Việt, P.Phú Trung, Q.Tân Phú, TP.HCM
Số ĐT liên lạc: 0912 689 268
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - QTKD

Ông Nguyễn Quốc Việt đang giữ chức vụ Phó Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành, trước đó ông Việt đã công tác ở những đơn vị sau:

- 2017 - nay : Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Thành Thành Công – Biên Hòa
- 2015 – 2016 : Thành viên HĐQT Công ty Cổ Phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- 2014 – 2015 : Phó Tổng giám đốc phụ trách khối Nông nghiệp Công ty Cổ Phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh
- 2014 – 2015 : Phó Tổng Giám Đốc Công Ty CP Đường Biên Hòa phụ trách nhà máy Biên Hòa – Tây Ninh và nhà máy Biên Hòa – Trị An
- 2009 – 2010 : Giám đốc chi nhánh Công ty CP Thành Thành Công
- 2000 – 2009 : Nhân viên Công ty CP Thành Thành Công

Bà Đoàn Vũ Uyên Duyên

Họ và tên: Đoàn Vũ Uyên Duyên
Giới tính: Nữ
Ngày tháng năm sinh: 13/01/1987
Nơi sinh: TP.Hồ Chí Minh
CMND/hộ chiếu: 024098051
Cấp ngày: 25/04/2003
Nơi cấp: TP.Hồ Chí Minh
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 73/15 Phạm Hùng, Bình Hưng, Bình Chánh TPHCM
Số ĐT liên lạc: 0984 904 450
Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng

Bà Đoàn Vũ Uyên Duyên giữ chức vụ Giám đốc Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành từ ngày 05/09/2018. Trước đó bà Duyên đã công tác ở những đơn vị sau:

- 05/09/2018 – nay : Giám đốc Tài chính Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa
- 04/2018 – 09/2018 : Trợ lý Tài chính CT HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Biên Hòa

Ông Lê Phát Tín

Họ và tên: Lê Phát Tín
Giới tính: Nam
Ngày tháng năm sinh: 29/11/1981
Nơi sinh: Tây Ninh
CMND/hộ chiếu: 025563354
Cấp ngày: 23/03/2012
Nơi cấp: CA TP HCM
Quốc tịch: Việt Nam
Địa chỉ thường trú: 1.16, Lô G, cư xá Bàu Cát 2, Đường Hồng Lạc, P.10, Tân Bình, TP.HCM
Số ĐT liên lạc: 0918.621.126
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại Học Kinh Tế

Ông Lê Phát Tín giữ chức vụ Kế toán Trưởng của Tổ Chức Phát Hành từ ngày 16/07/2015. Trước

đó ông Tín đã công tác ở những đơn vị sau:

- Từ 16/07/2015 – nay : Kế toán Trưởng Công ty Cổ Phần Mía đường Thành Thành Công Tây Ninh (nay là Công ty CP Thành Thành Công - Biên Hòa)
- Từ 5/2013 – 15/07/2015 : Phó phòng Kế toán Công ty CP Thành Thành Công - Biên Hòa
- Từ 9/2006 – 5/2013 : Kế toán viên và Chuyên viên hoạch định Ngân sách tại Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam
- Từ 2/2006 – 9/2006 : Kế toán tại CTCP Kinh Đô

Nhiệm kỳ

Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực theo những quy định trong Điều Lệ Công Ty, Luật Doanh Nghiệp và Luật Lao Động. Điều Lệ Công Ty không quy định nhiệm kỳ cụ thể đối với chức vụ Phó Tổng Giám Đốc hay Kế Toán Trưởng và Tổng Giám Đốc có toàn quyền lựa chọn nhân viên theo các quy định Công Ty.

2.5. Danh sách công ty con

Bảng 6: Danh sách công ty con

STT	Công ty Con	Trụ sở	Lĩnh vực Kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty TNHH MTV Đường TTC-Biên Hòa - Đồng Nai	Đồng Nai	Sản xuất đường, các phụ phẩm khác từ mía	100
2	Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Gia Lai	Kinh doanh đường, các sản phẩm phụ làm từ mía	100
3	Công ty TNHH MTV Mía đường TTC Attapeu	Lào	Trồng mía, sản xuất, kinh doanh đường, các sản phẩm phụ làm từ mía	100
4	Công ty TNHH MTV Đường Biên Hòa - Ninh Hòa	Khánh Hòa	Sản xuất đường, các phụ phẩm khác từ mía	100
5	Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai	Gia Lai	Sản xuất đường, các sản phẩm cạnh đường, sau đường	100
6	Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Ninh Hòa	Khánh Hòa	Sản xuất điện, cung cấp dịch vụ lắp đặt hệ thống điện	100
7	Công ty TNHH MTV Tư nhân Đầu tư TSU	Singapore	Mua bán, sản xuất, đóng gói đường	100
8	Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Gia Lai	Gia Lai	Sản xuất, truyền tải, phân phối điện	100
9	CTCP Nghiên cứu và Ứng dụng Mía Đường Thành Thành Công	Tây Ninh	Nghiên cứu, lai tạo mía giống	100
10	Công ty TNHH MTV Biên Hòa - Thành Long	Tây Ninh	Trồng mía, sản xuất, kinh doanh phân bón	100
12	Công ty TNHH Hải Vi	Tây Ninh	Trồng mía, dịch vụ trồng trọt, sau thu hoạch	100
14	Công ty TNHH MTV Nước Míaqua	Tây Ninh	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	100

STT	Công ty Con	Trụ sở	Lĩnh vực Kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu (%)
15	CTCP Mía đường Tây Ninh	Tây Ninh	Trồng mía, sản xuất, kinh doanh đường, sản, cao su	99,42
16	CTCP TMDV XNK BICO	Bến Tre	Kinh doanh thương mại	100
17	CTCP Thương mại Xuất Nhập khẩu Biên Hòa	TP.HCM	Kinh doanh đường	98
18	CTCP Sản xuất Thương mại Cồn Thành Thành Công	Tây Ninh	Sản xuất cồn, các sản phẩm phụ sau cồn	90
19	CTCP Đường Biên Hòa-Phan Rang	Ninh Thuận	Sản xuất, kinh doanh đường, các sản phẩm phụ từ mía	95,79
20	CTCP Bò giống Miền Trung	Khánh Hòa	Chăn nuôi bò, trồng mía, các loại cây công nghiệp khác	92,04
21	CTCP Đường Nước Trong	Tây Ninh	Sản xuất đường, trồng cây mía	87,28
22	CTCP Cao su Nước Trong	Tây Ninh	Sản xuất plastic, cao su	52,69

2.6. Danh sách công ty liên kết

Bảng 7: Danh sách công ty liên kết

STT	Công ty Liên kết	Trụ sở	Lĩnh vực Kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	CTCP Hạ tầng Cụm Công nghiệp Tân Hội	Tây Ninh	Kinh doanh BĐS, đầu tư xây dựng hạ tầng, quản lý KCN	48,09
2	CTCP Khoai mì Tây Ninh		Sản xuất, kinh doanh tinh bột khoai mì	29,83
3	Công ty TNHH Tapioca Việt Nam		Sản xuất, kinh doanh tinh bột khoai mì	29,83
4	CTCP Công nghiệp Hóa chất Tây Ninh		Sản xuất tinh bột, các sản phẩm liên quan đến tinh bột	19,13

2.7. Cơ cấu cổ đông (tại ngày 01/02/2019)

Bảng 8: Cơ cấu cổ đông (tại ngày 01/02/2019)

Cơ Cấu	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ
Cổ đông trong nước	9.280	459.496.702	78,3%
Tổ chức	75	226.926.873	38,7%
Cá nhân	9.205	232.569.829	39,6%
Cổ đông nước ngoài	339	65.642.950	11,2%
Tổ chức	45	2.729.096	0,5%
Cá nhân	294	62.913.854	10,7%
Cổ phiếu quỹ	1	61.600.900	10,5%
Tổng cộng	9.620	586.740.552	100%

2.8. Danh sách cổ đông lớn (tỷ lệ có biểu quyết $\geq 5\%$)

Bảng 9: Danh sách cổ đông lớn (tỷ lệ có biểu quyết $\geq 5\%$)

Tên cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ % có quyền biểu quyết
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Thành Thành Công	01	168.021.963	28,64%
Agri Asia Pacific Limited	01	33.440.742	5,69%
Đặng Huỳnh Úc My	01	68.394.826	11,66%
Tổng cộng	03	269.857.531	45,99%

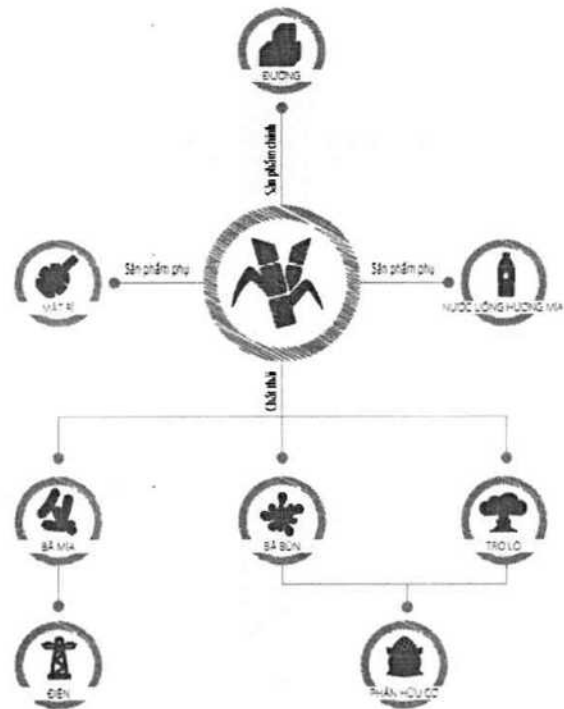


3. Hoạt động kinh doanh

3.1. Các sản phẩm chính của Tổ Chức Phát Hành

Hình 2: các sản phẩm chính

Công ty đang sản xuất và kinh doanh sản phẩm Đường tinh luyện và phụ phẩm, bao gồm: mật ri, điện thương phẩm, phân vi sinh và một số sản phẩm và dịch vụ khác: gia công, phân bón thương mại...



- **Đường tinh luyện:** Đường tinh luyện (RE): có thương hiệu là Mimosa sản xuất theo tiêu chuẩn Châu Âu, chủ yếu được các công ty trong ngành thực phẩm, đồ uống giải khát sử dụng. Đây là sản phẩm chủ lực của Công ty với doanh thu hàng năm chiếm hơn 80% tổng doanh thu. Ngoài ra, Công ty còn phát triển thương hiệu Bonsu dành cho mảng bán lẻ.
- **Mật ri:** Ri mật là phụ phẩm trong sản xuất đường. Doanh thu từ mật ri chiếm hơn 3% tổng doanh thu Công ty. Với mục đích tạo thêm giá trị gia tăng từ phụ phẩm này, Công ty sẽ đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất Cồn thực phẩm trong thời gian tới.
- **Điện thương phẩm:** Điện được sản xuất từ nguồn năng lượng đốt bã mía trong quá trình sản xuất đường. Tỷ lệ điện thương phẩm chiếm khoảng 55% tổng sản lượng điện sản xuất. Doanh thu bình quân chiếm khoảng 2% tổng doanh thu Công ty. Hiện Công ty bán điện cho Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (EVN).
- **Phân vi sinh:** Phân vi sinh là phụ phẩm cuối cùng trong quá trình sản xuất đường. Doanh thu chỉ chiếm khoảng 1% tổng doanh thu Công ty.
- **Sản phẩm/dịch vụ khác:** Sản phẩm và dịch vụ khác bao gồm: phân bón thương mại, gia công (tinh luyện từ đường thô),...

Hình ảnh sản phẩm đường



Đường tinh luyện thượng
hạng TSU EXTRA PREMIUM



Đường tinh luyện cao cấp
TSU PREMIUM



Đường trắng cao cấp TSU
FAMILY

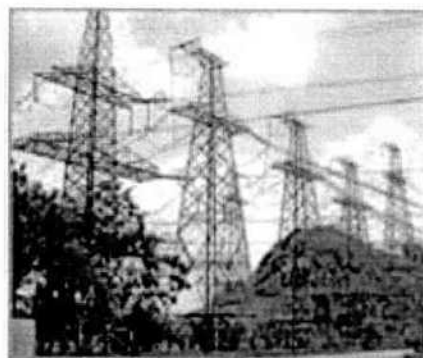


Đường tinh luyện cao cấp
Mimosa
Đường tinh luyện tiêu chuẩn
Mimosa

Hình ảnh sản phẩm cạnh đường



Mật rỉ



Điện thương phẩm

3.2. Các lợi thế cạnh tranh

- Vùng nguyên liệu : vùng nguyên liệu có địa hình bằng phẳng, liền thửa, phù hợp triển khai sản xuất mía theo mô hình cánh đồng mẫu lớn, ứng dụng cơ giới hóa và kỹ thuật canh tác tiên tiến nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất mía, giảm giá thành sản phẩm
- Công nghệ và chất lượng sản phẩm : dây chuyền thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến nhất với sản phẩm đường tinh luyện RE chất lượng cao, theo tiêu chuẩn Châu Âu. Đặc biệt, dây chuyền sử dụng nhiệt lượng từ đốt bã mía để sản xuất điện với công suất 24MW phục vụ cho sản xuất đường và cung cấp vào lưới điện quốc gia.
- Quy trình sản xuất linh hoạt, phối hợp sản xuất đường từ đường từ mía và từ đường thô nhằm tận dụng tối ưu công suất máy và chủ động điều phối nguồn nguyên liệu sản xuất một cách hợp lý, hiệu quả.

- **Hệ thống quản lý chất lượng :** Được các tổ chức chất lượng quốc tế chứng nhận FSSC 22000 đầu tiên của ngành đường VN, các chứng nhận ISO, Sedex, và Halal phù hợp mọi yêu cầu khắt khe nhất của các công ty được phẩm, thực phẩm, nước giải khát.
- **Thương hiệu :** Thương hiệu mạnh và danh tiếng trên thị trường trong nước xuất khẩu với các nhãn hiệu đường cao cấp Mimosa, đường siêu sạch TSU, mang đến cho khách hàng khó tính nhất sự an tâm và tin tưởng về chất lượng.
- **Thị phần :** Thị phần RE chiếm 30% sản lượng RE cả nước và chiếm 13% tổng sản lượng đường cả nước
- **Hệ thống phân phối :** Có hệ thống khách hàng đa ngành và uy tín trong nước cũng như thị trường xuất khẩu.
- **Khách hàng kênh công nghiệp:** hiện TTC-BH cung ứng hầu hết cho gần 100 khách hàng công nghiệp lớn sử dụng làm nguyên liệu như nước giải khát, sữa, thực phẩm, dược phẩm và hơn 250 khách hàng tiêu thụ công nghiệp thường xuyên dùng các sản phẩm RE, RS của TTC-BH.
- **Hệ thống kênh tiêu dùng phát triển ổn định có mặt hầu hết trên hệ thống siêu thị và hệ thống nhà phân phối cả nước trải dài từ Nam - Trung - Bắc với nhiều dòng sản phẩm phù hợp nhu cầu tiêu dùng.**
- **Thị trường quốc tế :** đường túi mang nhãn hiệu Harmuni đã được xuất khẩu trực tiếp sang thị trường Singapore và được cung ứng vào chuỗi CVS của Singapore với lượng đặt hàng thường xuyên ổn định. Đường bao 50kg đã tham gia thị trường xuất khẩu quốc tế đến các nước Châu Á, Trung Đông và Châu Phi. TTC-BH cũng là công ty đầu tiên trong ngành đường Việt nam tổ chức xuất khẩu trực tiếp – đây là tiền đề cho kế hoạch xuất khẩu đến các quốc gia trong khu vực trong thời gian tới.
- **Dịch vụ logistic:** dịch vụ logistic nhanh chóng thuận lợi, hướng tới mục tiêu cung ứng hàng hóa với dịch vụ giao nhận tiên tiến nhất, đáp ứng yêu cầu của khách hàng về quản lý lưu thông hàng hóa theo tiêu chuẩn quốc tế.
- **Công tác R&D:** Nghiên cứu các sản phẩm phù hợp nhu cầu thị trường (đường phèn, đường vàng thiên nhiên, đường lòng, đường organic,...) được TTC-BH quan tâm hàng đầu, công tác R&D được đầu tư một cách bài bản. Chú trọng phát triển sản phẩm cạnh đường và sau đường nhằm gia tăng chuỗi giá trị ngành đường
- **Nhân sự :** Đội ngũ cán bộ trẻ có năng lực cao, lành nghề, được đào tạo bài bản, nắm vững công nghệ sản xuất.
- **Danh mục đầu tư :** đầu tư vào những công ty hoạt động hiệu quả trong cùng ngành nghề nhằm củng cố và gia tăng sức mạnh cộng hưởng trong chuỗi giá trị ngành.
- **Vị thế công ty :** hiện là công ty đường có mức vốn hóa lớn trên thị trường chứng khoán, nguồn lực tài chính mạnh, chỉ số xếp hạng tín dụng tốt. Điều này tạo thuận lợi cho Công ty tiếp cận với các nguồn vốn tín dụng có mức lãi suất thấp, gia tăng hiệu quả hoạt động so các công ty cùng ngành.
- **Với các lợi thế cạnh tranh nêu trên, Tổ chức phát hành có rất nhiều lợi thế trong việc cạnh tranh với các công ty đường trong nước.**

3.3. Các Chiến lược Kinh doanh 3 năm (giai đoạn 2019-2021)

3.3.1. Định hướng phát triển

- Định hướng hoạt động hiệu quả và chủ trương phát triển vùng nguyên liệu lâu dài dựa trên cơ sở đảm bảo lợi ích hài hòa của công ty và người trồng mía.
- Phát triển quỹ đất Nông trường trực tiếp canh tác, tự chủ nguyên liệu đầu vào, tối ưu hóa chi phí nguyên liệu mía, hạ giá thành sản phẩm
- Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển sản phẩm, đảm bảo chất lượng sản phẩm cao. Phát triển sản phẩm cạnh đường và sau đường nhằm tạo giá trị gia tăng, giảm giá thành sản xuất.
- Phát triển kênh phân phối nhằm giữ vững và gia tăng thị phần.
- Không ngừng nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, hoàn thiện hệ thống quản lý, điều hành.
- Triển khai các giải pháp công nghệ thông tin, phương thức quản lý hiện đại nhằm tối ưu hóa nguồn lực công ty.
- Chú trọng tuyển dụng, đào tạo nhân sự kế thừa và duy trì nguồn nhân lực chuyên môn cao.

3.3.2. Các mục tiêu chiến lược

Bảng 10: Mục tiêu chiến lược

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2018-2019	2019-2020	2020-2021
A	Chỉ tiêu nguyên liệu				
1	Diện tích đầu tư	ha	54.440	50.953	51.972
2	Sản lượng mía nguyên liệu (chưa trừ tạp chất)	tấn	3.922.718	3.808.235	3.939.809
3	Sản lượng mía giống	tấn	-	-	-
4	Tổng sản lượng mía ép & hom giống	tấn	3.922.718	3.808.235	3.939.809
B	Chỉ tiêu sản xuất	tấn			
1	Sản lượng nguyên liệu mía ép	tấn	3.734.531	3.607.927	3.751.887
2	Sản lượng đường thô nguyên liệu	tấn	351.442	472.714	498.704
C	Chỉ tiêu thành phẩm sản xuất	tấn	657.117	726.685	817.348
1	Đường thành phẩm từ mía (RE)	tấn	367.475	369.831	397.700
2	Đường thành phẩm từ đường thô (RE)	tấn	289.642	356.854	419.648
D	Chỉ tiêu phụ phẩm thu hồi				
1	Mật rỉ thu hồi (từ mía và đường thô)	tấn	195.513	192.214	200.062
2	Điện thương phẩm	Mwh	116.007	122.831	122.831

3	Phân vi sinh	tấn	35.029	36.153	38.358
F	Chỉ tiêu sản lượng bán hàng		846.872	1.127.875	1.237.380
1	Sản lượng đường TP tiêu thụ (tấn)	Tấn	695.208	827.875	937.381
	- Nội địa	Tấn	525.208	674.545	760.811
	- Xuất khẩu	Tấn	170.000	153.330	176.570
2	Sản lượng đường kinh doanh (tấn)	Tấn	151.665	299.999	299.999
F	Chỉ tiêu giá bán				
1	Giá bán đường TP BQ (chưa thuế)	Ngàn đ/kg			
	- Nội địa	Ngàn đ/kg	13,02	13,53	13,31
	- Xuất khẩu	Ngàn đ/kg	9,75	10,34	10,44
2	Giá bán đường kinh doanh BQ(chưa thuế)	Ngàn đ/kg	11,78	13,70	13,06
3	Giá bán mật BQ (chưa thuế)	Ngàn đ/kg	2.122	2.185	2.185
4	Giá bán điện BQ (chưa thuế)	Ngàn đ/MWH	1.800	1.800	1.800
5	Giá bán phân VS BQ (chưa thuế)	Ngàn đ/T	1.500	1.500	1.500
F	Chỉ tiêu tồn kho đường				
	Tồn kho đường đầu kỳ	Tấn	96.734	29.526	143.833
	Nhập SX trong kỳ	Tấn	779.665	837.231	945.691
	Xuất bán trong kỳ	Tấn	846.872	722.924	825.253
	Tồn kho đường cuối kỳ	Tấn	29.526	143.833	264.271
G	Chỉ tiêu hiệu quả hoạt động				
	Doanh thu thuần	Tr.đ	11.867.973	16.137.391	16.930.742
	LNTT	Tr.đ	683.693	868.522	1.096.050
	ROA	%	2,3%	3,1%	3,7%
	ROE	%	8,2%	9,3%	8,7%

3.3.3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh và các giải pháp cụ thể

a. Kế hoạch bán hàng

- Mở rộng và phát triển kênh tiêu dùng (siêu thị, nhà phân phối bán buôn, bán lẻ, cửa hàng giới thiệu sản phẩm...), đưa hình ảnh của TTCS đến với người tiêu dùng trên thị trường nội địa.
- Gia tăng sản lượng tiêu thụ kênh khách hàng công nghiệp vừa và nhỏ: giữ vững KHCN hiện có đồng thời tiếp tục phát triển thêm khách hàng mới, nâng cao dịch vụ khách hàng, đẩy mạnh xuất khẩu tại chỗ.
- Tìm kiếm thị trường xuất khẩu mới có nhiều tiềm năng; các thị trường chưa có nhà phân phối; Tăng cường các mối quan hệ tìm những nhà phân phối lớn có uy tín trên thị trường quốc tế, khai thác thị trường tiềm năng nhất ở khu vực và từng bước phát triển ra các vùng lân cận.
- Tiếp tục nghiên cứu nhu cầu khách hàng để thực hiện cải tiến các sản phẩm hiện tại, phát triển thêm sản phẩm mới. Thực hiện đa dạng hóa nhãn hiệu và chủ trương phát triển nhãn hiệu mạnh.
- Tiếp tục nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động marketing, tăng cường quảng bá thương hiệu hình ảnh Công ty qua các hoạt động PR, hoạt động mang tính cộng đồng.
- Xây dựng chiến lược phân phối sản phẩm, ban hành chính sách bán hàng, xác định mức giá phù hợp với từng phân khúc; xây dựng quy trình quản lý bán hàng, xử lý khiếu nại khách hàng,..
- Công nghệ hóa trong công tác quản lý bán hàng và kinh doanh.
- Tăng cường công tác đào tạo nâng cao năng lực bán hàng.

b. Các giải pháp về chiến lược phát triển vùng nguyên liệu

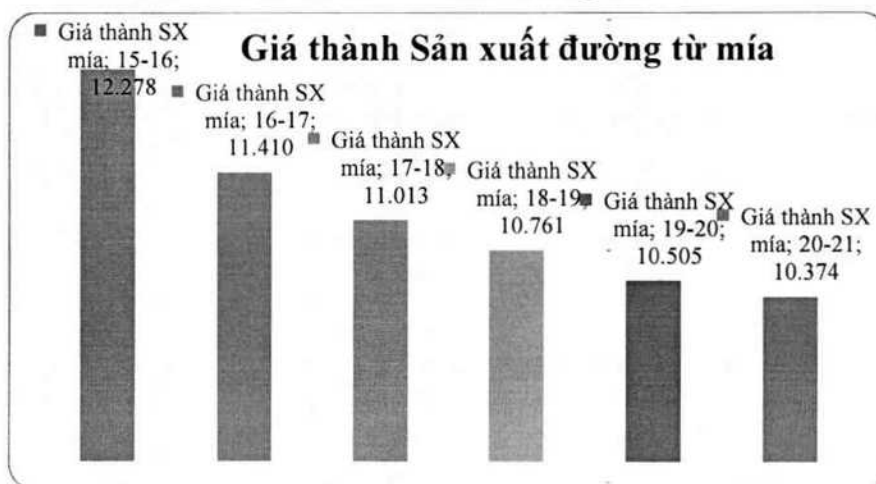
- **Phát triển quỹ đất Nông trường thuộc quyền sở hữu/ quyền canh tác:** Hiện công ty đang sở hữu đất tại hai nông trường Bến Cầu và Tân Hưng, hiệu quả sản xuất qua các năm đều rất cao, chi phí sản xuất 1 tấn mía chỉ vào khoảng 60% chi phí mua nguyên liệu mía từ hợp đồng đầu tư Nông dân. Vì vậy, việc triển khai giải pháp gia tăng quỹ đất trực tiếp canh tác nhằm hướng đến mục tiêu ổn định và tự chủ nguồn nguyên liệu mía đầu vào, đồng thời cũng là giải pháp hạ giá thành sản phẩm để có thể cạnh tranh trong thời kỳ hội nhập.
- **Quy hoạch tổng thể vùng nguyên liệu:** Công ty xác định những chính sách phát triển mía dựa trên những tiềm năng của từng vùng, từng khu vực, từng đối tượng, ... Phối hợp với các Sở ban ngành phát triển mía theo quy hoạch, xây dựng cánh đồng, mô hình nông trường kiểu mẫu với hệ thống tưới, giao thông nội đồng hoàn chỉnh nhằm áp dụng cơ giới hóa trong sản xuất; giữ vững và mở rộng có định hướng VNL; chuẩn hóa và nhân rộng giống mía phù hợp với điều kiện đất đai thổ nhưỡng từng khu vực, đưa ra các giải pháp nhằm từng bước nâng cao chất lượng sản xuất của người trồng mía, cụ thể gồm các nhóm giải pháp trọng tâm:
 - Quy hoạch vùng nguyên liệu: Ưu tiên phát triển khu vực mía vùng gần nhà máy nhằm giảm chi phí vận chuyển. Trong ngắn hạn sẽ tiếp tục phát triển diện tích tại các khu vực tiềm năng và thuận lợi canh tác mía như tại Campuchia và Long An.

- Đối tượng đầu tư: Giảm dần hình thức canh tác trên đất thuê, khuyến khích đầu tư trên đất chủ sở hữu; phân nhóm đối tượng khách hàng để có chính sách đầu tư phù hợp cho từng đối tượng nhằm gia tăng hiệu quả người trồng mía
 - Cải tiến chính sách đầu tư: phân nhóm đối tượng khách hàng để có chính sách đầu tư phù hợp cho từng đối tượng nhằm gia tăng hiệu quả người trồng mía, tăng cường sự gắn bó bền vững giữa nhà máy và người trồng mía, đảm bảo công ty có lãi, nông dân có lời.
 - Xây dựng và phát triển, mở rộng diện tích các mô hình nông trường kiểu mẫu, liên kết sản xuất. Ứng dụng cơ giới hóa trong canh tác và thu hoạch, áp dụng kỹ thuật canh tác tiên tiến nhằm tối ưu hóa chi phí sản xuất mía.
- **Đẩy mạnh các hoạt động công tác khuyến nông và kỹ thuật canh tác nhằm hỗ trợ nông dân để gia tăng năng suất và chất lượng mía:** Tập trung công tác phòng trừ sâu bệnh, chú trọng cơ cấu giống phù hợp với thổ nhưỡng của từng vùng nguyên liệu, đẩy mạnh cơ giới hóa từ khâu trồng, chăm sóc đến khâu thu hoạch, tăng cường áp dụng các hệ thống tưới hữu hiệu nâng cao năng suất mía,...
 - **Hoàn thiện công tác quản lý thu hoạch và ứng dụng CNTT:** xây dựng lịch đồn chặt, điều tiết kiểm soát thu hoạch một cách hợp lý, khoa học, đảm bảo mía được chặt sát gốc, mía sạch, mía tươi khi về đến nhà máy Triển khai áp dụng từng bước hệ thống ERP, phần mềm quản lý nông nghiệp tập trung.
 - **Nâng cao công tác tổ chức quản lý và đào tạo:** Cải tiến công tác hệ thống quản lý nông nghiệp, giao KPIs cho từng cá nhân phụ trách, Nâng cao chất lượng đội ngũ CBNV; đào tạo cán bộ nông vụ, cán bộ khuyến nông.

c. Kế hoạch sản xuất và giá thành sản phẩm

Mục tiêu giá thành sản xuất

Hình 3: Giá thành sản xuất đường từ mía



Các giải pháp chiến lược tối ưu hóa chi phí sản xuất

- Chi phí nguyên liệu mía giảm từ việc thực hiện các giải pháp về nguyên liệu
- Thực hiện cải tiến các thiết bị nhằm tăng hiệu suất thu hồi, nâng cao tối đa chất lượng đường thành phẩm, kiểm soát định mức sản xuất.
- Tối ưu hóa sản lượng sản xuất nhằm giảm đơn giá định phí, hạ giá thành sản phẩm
- Đẩy mạnh công tác R&D, nghiên cứu các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng

- của khách hàng, chú trọng phát triển thêm chuỗi sản phẩm cạnh đường và sau đường;
- Nâng cấp hệ thống đồng phát điện từ 20 MVA lên 63 MVA,... hướng đến mục tiêu tiết giảm giá thành.

d. Kế hoạch tài chính và kết quả kinh doanh:

Công tác tài chính

- Xây dựng cấu trúc vốn tối ưu, kiểm soát các rủi ro tài chính, đảm bảo các chỉ tiêu tài chính luôn ở mức an toàn và hiệu quả.
- Giữ vững và phát huy khả năng huy động vốn, thu hút nhà đầu tư.
- Tổ chức tốt công tác quản trị tài chính nhằm nâng cao khả năng sử dụng vốn, khả năng sinh lợi. Tăng cường công tác dự báo thị trường, tổ chức công tác xây dựng và điều phối kế hoạch khoa học để chủ động trong việc tham mưu lãnh đạo đưa ra các quyết định kinh doanh một cách hiệu quả nhất.
- Tăng cường việc kiểm soát chi phí hoạt động, định mức chi phí, đảm bảo giá thành mục tiêu.
- Giữ mức tồn kho hợp lý để giảm bớt chi phí lưu kho và gia tăng khả năng chu chuyển vốn.
- Xây dựng và quản lý danh mục đầu tư một cách hiệu quả. Thường xuyên đánh giá hiệu quả đầu tư để có giải pháp kịp thời, đảm bảo đầu tư mang lại hiệu quả cao.
- Hướng đến việc niêm yết cổ phiếu SBT trên sàn giao dịch chứng khoán Singapore năm 2018 để gia tăng sức ảnh hưởng Công ty trong khu vực đối với các nhà đầu tư.
- Phát huy tối đa lợi ích từ công tác M&A để tiết giảm giá thành sản phẩm, gia tăng đối tượng khách hàng, kênh phân phối, chuẩn bị sẵn sàng cho giai đoạn hội nhập.

Tăng trưởng lợi nhuận:

- Trong bối cảnh hội nhập, trước cơ hội và thử thách, tận dụng nội lực và các lợi thế hiện có để biến thử thách thành cơ hội, Công ty đã, đang và tiếp tục triển khai các giải pháp hoạt động hiệu quả với mục tiêu giảm giá thành sản phẩm, cạnh tranh được với giá cả sản phẩm trên thị trường khu vực và thế giới.
- Với giá định giá bán thị trường nội địa tiệm cận với giá thế giới vào năm 2018 (theo xu hướng giá bán nội địa giảm), KQKD ước tính vẫn tăng trưởng qua các năm.

4. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

Tổ Chức Phát Hành không ngừng đầu tư phát triển những dự án nhằm gia tăng hiệu quả hoạt động của Công ty.



Bảng 11: Các dự án

STT	Tên dự án	Chi phí đầu tư (tỷ đồng)	Dự kiến thời gian hoàn thành
1	Đầu tư bổ sung và cải tạo Trung tâm Nhiệt điện	160	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả về việc phát điện.
2	Thành lập Nhà máy cơ khí TTCE	20	Dự án chuyển sang hình thức bổ sung hình thức kinh doanh cho doanh nghiệp. Không thành lập nhà máy cơ khí độc lập. Bổ sung ngành nghề kinh doanh cho doanh nghiệp TTCE. Dự án đã hoàn thành việc bổ sung ngành nghề cho TTCE. Doanh nghiệp góp 01 phần không nhỏ gia công, chế tạo các công cụ, thiết bị máy móc cho ngành nông nghiệp, thực hiện công tác cải tạo sửa chữa nâng cấp cho các nhà máy đường trong hệ thống tập đoàn TTC.
3	Dự án sấy bã mía	40	Công nghệ sấy bã mới so với Việt Nam, lần đầu tiên được áp dụng tại 01 nhà máy đường của TTC. Hiện tại dự án đang giai đoạn chạy nghiệm thu hiệu chỉnh thiết bị. Dự kiến niên độ 19-20 sẽ đi vào hoạt động ổn định và phát huy hiệu quả.
4	Nhà máy sản xuất phân hữu cơ vi sinh	53	Dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động trong niên độ 18-19, góp 01 phần không nhỏ cung cấp phân hữu cơ cho các nông trường mía của ngành đường TTC.
5	Kiểm soát tác động môi trường	15	Tất cả các nhà máy đường trong nước đã lắp đặt xong hệ thống quan trắc khí thải của lò hơi giúp cho công tác quản lý và vận hành lò hơi đảm bảo khí thải đạt chuẩn qui định của môi trường.
6	Tiết kiệm hơi	13	Dự án đã hoàn thành và đi vào hoạt động niên độ 18-19 đạt mục tiêu đề ra: giảm suất tiêu thụ hơi cho sản xuất.
7	Thay đổi phương thức giao hàng	11	Dự án đã hoàn thành vào niên độ 18-19 góp phần đa dạng hóa phương thức giao hàng của ngành đường.
8	Cải tạo chuyển đổi nhiên liệu đốt lò	8	Dự án đang giai đoạn chạy thử nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

Nguồn: TTC-BH

❖ Dự án Đầu tư bổ sung và cải tạo Trung tâm Nhiệt điện



Đây là một trong những dự án trọng điểm của TTC Biên Hòa trong niên vụ 2016-2017. Dự án hoàn thành đi vào hoạt động đã tăng sản lượng điện, khai thác hết giá trị của thiết bị, giúp tiết kiệm năng lượng và nhiên liệu tiêu thụ.

Dự án đã thành công thu lợi rất lớn từ các nguồn: bán điện thương phẩm, tăng khả năng luyện đường thô hàng năm, tăng sản lượng đường thành phẩm...

❖ **Dự án thành lập Công ty Cơ khí TTCE**

Với xu thế hội nhập và phát triển, ngành cơ khí Việt Nam đang định hướng phát triển theo công nghệ cao và cơ khí chính xác. Nhằm đáp ứng các nhu cầu chung của thị trường trong nước và các đối tác nước ngoài, trong đó ngành cơ khí chế tạo các thiết bị ngành đường và các thiết bị phục vụ cho nông nghiệp đang là hướng đi đầy tiềm năng. Do đó việc thành lập nhà máy cơ khí phục vụ cho ngành đường và các ngành phụ trợ liên quan là định hướng sáng suốt, phù hợp với xu thế tất yếu đảm bảo tính bền vững cho ngành đường cũng như các ngành nghề khác liên quan đến cơ khí của chúng ta. Ngoài ra, hướng tới tham gia thiết kế, gia công, chế tạo và sửa chữa các thiết bị máy móc của các Công ty khác ngoài Tập đoàn TTC.

Các máy móc thiết bị cơ giới hầu hết mua từ nước ngoài, nhiều thiết bị sau khi mua không phù hợp với vùng miền, không phục vụ sản xuất được hiệu quả nên việc thành lập nhà máy cơ khí nghiên cứu chế tạo thiết bị phục vụ cho cây mía là hướng đi phù hợp với nhu cầu hiện tại.

Xác định tính chuyên nghiệp, dự án chuyển sang hình thức đầu tư mới nhưng vẫn không lệch mục tiêu ban đầu: dự án chuyển sang hình thức giao cho công ty đứng ra đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực này. Cụ thể giao cho TTCE - là công ty bỏ được sung ngành nghề để tự kinh doanh phát triển. Đến nay TTCE đã hoàn thành việc bỏ sung ngành nghề và đang hoạt động. Doanh nghiệp góp 01 phần không nhỏ gia công, chế tạo các công cụ, thiết bị máy móc cho ngành nông nghiệp, thực hiện công tác cải tạo sửa chữa nâng cấp cho các nhà máy đường trong hệ thống tập đoàn TTC.

❖ **Dự án sấy bã của nhà máy đường TTC-BH**

Đây là dự án nhằm giảm lượng bã mía sử dụng cho lò hơi. Với giải pháp của dự án này sản lượng bã tăng thêm 8%.

Với việc tăng lượng bã sẽ giúp kéo dài thời gian sản xuất làm gia tăng sản lượng đường. Đây là giải pháp đối phó với tình hình sản lượng mía có xu hướng giảm.

Dự án có tổng mức đầu tư 40 tỷ với 01 công nghệ mới ở Việt Nam, lần đầu tiên được áp dụng tại 01 nhà máy đường của TTC. Hiện tại dự án đang giai đoạn chạy nghiệm thu hiệu chỉnh thiết bị. Dự kiến niên độ 19-20 sẽ đi vào hoạt động ổn định và phát huy hiệu quả của dự án.

❖ **Dự án xây dựng nhà máy phân hữu cơ vi sinh**

Công suất của nhà máy 34.000 tấn/năm. Sản phẩm là phân hữu cơ vi sinh.

Với tiêu chí “Những gì của ruộng mía thì trả lại cho ruộng mía” sản phẩm sẽ được cung cấp trở lại cho các nông trường mía của Tập Đoàn TTC.

Dự án đã hoàn thành đi vào hoạt động trong niên độ 18-19, góp 01 phần không nhỏ cung cấp phân hữu cơ cho các nông trường mía của ngành đường TTC.

❖ **Kiểm soát tác động môi trường**

Thực hiện theo Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu, các Nhà máy Đường của TTC - Biên Hòa đã triển khai thực hiện theo luật

định về việc lắp đặt các thiết bị quan trắc khí thải.

Tầm quan trọng của việc lắp đặt hệ thống:

- + Công cụ để các Nhà máy kiểm soát liên tục hiệu quả hoạt động của các thiết bị phát thải khí thải ra môi trường.
- + Thể hiện tinh thần trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội trong việc giữ gìn môi trường và tài nguyên thiên nhiên.

❖ **Tiết kiệm hơi**

Dự án được phê duyệt với mục tiêu giảm tiêu thụ hơi từ 0,57 xuống 0,5. Dự án đã triển khai thành công, đạt mục tiêu của dự án và đưa vào hoạt động đúng tiến độ.

❖ **Thay đổi phương thức giao hàng**

- Nhằm đảm bảo chất lượng phục vụ khách hàng tốt nhất, nâng cao năng lực cạnh tranh, TTC-Biên Hòa đã phát triển những phương thức giao hàng mới so với phương thức truyền thống hiện nay.
- Đầu tư hệ thống xếp bao tự động lên pallet.
- Theo phương thức giao nhận này, khách hàng sẽ an tâm về an toàn thực phẩm, tiết giảm được nhân công bốc dỡ hàng hóa.
- Ngoài việc giao hàng bằng pallet, phương thức giao hàng bằng bao đường “big bag” cũng đã có chủ trương cho đầu tư tại Nhà máy TTCS.
- Việc bốc dỡ hàng hóa được thay thế bằng máy móc tự động, phù hợp với xu thế nguồn nhân công lao động thủ công ngày càng giảm.

Việc thay thế máy móc tại những vị trí lao động nặng nhọc cho con người:

- + Tạo ra môi trường làm việc thân thiện
- + Giảm chi phí nhân công cho đơn vị sản phẩm
- + Giảm nguy cơ tiềm ẩn ảnh hưởng đến sản phẩm do can thiệp của con người

❖ **Cải tạo chuyển đổi nhiên liệu đốt lò**

Dự án được triển khai tại nhà máy đường luyện TTC Biên Hòa – Đồng Nai. Mục tiêu của dự án là chuyển đổi nhiên liệu từ than Antraxit sang than nâu để giảm thiểu ô nhiễm do nhiên liệu than Antraxit thải ra (khí SO₂) và giảm thiểu rủi ro về nguồn nhiên liệu than Antraxit ngày càng giảm. Ngoài ra dự án đầu tư thêm hệ thống thu hồi bụi phát thải từ khói lò hơi kiểu túi giúp kiểm soát lượng bụi phát tán ra môi trường theo qui chuẩn của môi trường do nhà máy nằm trong khu vực được yêu cầu kiểm soát gắt gao về môi trường. Hiện nay dự án đã hoàn thành cải tạo chuyển đổi nhiên liệu đưa lò hơi chính thức vào sử dụng nhiên liệu than nâu. Dự án được đánh giá xác định về hiệu quả công tác vận hành và đặc biệt là môi trường không khí được cải thiện đáng kể so với thời gian trước kia.



5. Tình hình tài chính

5.1. Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp

Bảng 12: Một số chỉ tiêu tài chính của Doanh nghiệp (Hợp nhất)

TT	Một số chỉ tiêu tài chính	ĐVT	Năm tài chính 2015	Năm tài chính 2016	Năm tài chính 2017	6T2018
I	Khả năng thanh toán					
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,96	1,83	2,36	1,98
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,34	1,03	1,40	1,43
II	Cơ cấu vốn					
1	Hệ số nợ/Tổng tài sản	Lần	0,6	0,6	0,7	0,7
2	Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	1,53	1,51	1,90	2,03
III	Năng lực hoạt động					
1	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng g	142	184	162	183
2	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	Lần	0,6	0,6	0,6	0,3
IV	Khả năng sinh lời					
1	Hệ số Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	%	15,02%	13,65%	12,89%	5,13%
2	Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	7,30%	7,56%	5,30%	0,07%
3	Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	4,30%	4,36%	3,08%	0,02%
4	Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	10,88%	10,92%	8,94%	0,07%
5	Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	7,55%	7,96%	5,24%	(0,64%)

Nguồn : BCTC KT Hợp nhất năm 2015, 2016, 2017, BCTC Hợp nhất soát xét 6T 2018 của TTC-BH

Bảng 13: Kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp (Báo cáo tài chính riêng)

Đơn vị: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	1/7/2015 - 30/06/2016	1/7/2016 - 30/06/2017	1/7/2017 - 30/06/2018	1/7/2018 - 31/12/2018
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.268	3.423	4.552	2.563
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-9	-5	-5	-4
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.259	3.418	4.547	2.559
4	Giá vốn hàng bán	-2.762	-2.997	-3.966	-2.425
5	Lợi nhuận gộp	498	420	581	133
6	Doanh thu hoạt động tài chính	122	259	471	399
7	Chi phí tài chính	-150	-191	-322	-202
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	-94	-182	-286	-188
8	Chi phí bán hàng	-77	-60	-79	-50
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-110	-103	-134	-57
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	282	326	516	233
11	Thu nhập khác	8	16	150	14
12	Chi phí khác	-2	-8	-17	-20
13	Lợi nhuận khác	6	9	133	-6
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	288	334	649	218
	- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-19	-27	-113	-43
	- Chi phí/ lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1	1	6	-1
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	269	306	543	173

Nguồn : BCTC riêng năm 2015, 2016, 2017, BCTC Hợp nhất soát xét 6T 2018 của TTC-BH

Bảng 14: Kết quả kinh doanh của Doanh nghiệp (Báo cáo tài chính hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	1/7/2015 - 30/06/2016	1/7/2016 - 30/06/2017	1/7/2017 - 30/06/2018	1/7/2018 - 31/12/2018
1	Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.043	4.503	10.325	5.664
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-16	-5	-41	-6



3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.027	4.498	10.285	5.650
4	Giá vốn hàng bán	-3.422	-3.884	-8.959	-5.368
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	605	614	1.326	290
6	Doanh thu hoạt động tài chính	142	222	712	463
7	Chi phí tài chính	-216	-280	-806	-425
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	-153	-257	-714	-349
8	Phần lãi trong công ty liên kết	13	40	61	2
9	Chi phí bán hàng	-95	-87	-318	-180
10	Chi phí quản lý doanh nghiệp	-144	-150	-436	-186
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	304	358	539	-36
12	Thu nhập khác	12	19	178	124
13	Chi phí khác	-6	-10	-36	-24
14	Lợi nhuận khác	6	9	143	100
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	310	367	682	64
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-17	-28	-149	-71
17	(Chi phí) thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	1	0	12	9
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	294	339	545	2
19	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	294	340	545	4
20	(Lỗ) lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	0	0	0	-2

Nguồn : BCTC Hợp nhất năm 2015, 2016, 2017, BCTC Hợp nhất soát xét 6T 2018 của TTC-BH

Bảng 15: Cơ cấu tài sản và nguồn vốn (Báo cáo tài chính riêng)

Đơn vị: Tỷ đồng

Stt	Chi tiêu	30/06/2016	30/06/2017	30/06/2018	31/12/2018
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	3.214	3.241	4.276	4.992
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	558	62	57	449
	- Tiền	293	62	57	449
	- Các khoản tương đương tiền	266	-	-	-
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	68	46	45
	- Chứng khoán kinh doanh	-	69	3	1

	- Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	- 2	- 1	- 0
	- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	45	45
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.505	1.324	2.617	3.629
	- Phải thu khách hàng	516	496	754	1.732
	- Trả trước cho người bán	843	763	1.295	1.540
	- Phải thu về cho vay ngắn hạn	115	15	114	228
	- Phải thu ngắn hạn khác	65	88	502	171
	- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	- 35	- 38	- 49	- 42
4	Hàng tồn kho	1.109	1.660	1.516	766
	- Hàng tồn kho	1.109	1.661	1.547	771
	- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	- 1	- 1	- 31	- 6
5	Tài sản ngắn hạn khác	43	128	40	102
	- Chi phí trả trước ngắn hạn	35	61	31	93
	- Thuế GTGT được khấu trừ	7	-	-	-
	- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	0	68	9	9
	- Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	-
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	2.605	3.480	12.567	12.270
1	Các khoản phải thu dài hạn	147	183	162	114
	- Trả trước cho người bán dài hạn	12	23	61	73
	- Phải thu dài hạn khác	135	160	102	40
2	Tài sản cố định	616	570	588	537
	Tài sản cố định hữu hình	445	425	575	526
	- Nguyên giá	1.806	1.881	2.146	2.159
	- Giá trị hao mòn lũy kế	- 1.361	- 1.457	- 1.571	- 1.634
	Tài sản cố định vô hình	171	145	13	12
	- Nguyên giá	186	161	26	26
	- Giá trị hao mòn lũy kế	- 15	- 16	- 13	- 14
3	Bất động sản đầu tư	-	131	162	158
	- Nguyên giá	-	138	177	177
	- Giá trị khấu hao lũy kế	-	- 7	- 15	- 19
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	118	46	11	66
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	1.690	2.515	11.483	11.166
	- Đầu tư vào công ty con	968	1.119	11.066	11.073
	- Đầu tư vào công ty liên kết	463	1.398	32	32
	- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	260	1	403	83

	- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	- 1	- 2	- 17	- 22
6	Tài sản dài hạn khác	35	36	162	230
	- Chi phí trả trước dài hạn	34	36	155	224
	- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1	0	6	5
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	5.820	6.722	16.844	17.262
IV	NỢ PHẢI TRẢ	3.118	3.642	5.209	5.933
1	Nợ ngắn hạn	2.148	2.442	4.161	4.900
	- Phải trả cho người bán	41	123	182	490
	- Người mua trả tiền trước	85	17	22	16
	- Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	8	7	87	43
	- Phải trả người lao động	2	6	4	-
	- Chi phí phải trả ngắn hạn	45	40	54	74
	- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	3	4	4
	- Phải trả ngắn hạn khác	24	5	8	440
	- Vay ngắn hạn	1.926	2.223	3.755	3.710
	- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	17	12	45	110
2	Nợ dài hạn	971	1.199	1.049	1.045
	- Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	16	13	16
	- Phải trả dài hạn khác	-	6	6	6
	- Nợ dài hạn khác	971	-	-	-
	- Vay dài hạn	-	1.177	1.030	1.022
	- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-	-
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.702	3.080	11.634	11.330
1	Vốn chủ sở hữu	2.702	3.080	11.634	11.330
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.948	2.532	5.570	5.570
	- Thặng dư vốn cổ phần	155	76	6.243	6.243
	- Cổ phiếu quỹ	- 40	-	- 1.100	- 1.100
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-
	- Quỹ đầu tư phát triển	244	39	70	125
	- Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	395	433	851	492
	+ <i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	126	127	309	318
	+ <i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	269	306	543	174
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	5.820	6.722	16.844	17.262



Bảng 16: Cơ cấu tài sản và nguồn vốn (Báo cáo tài chính hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ đồng

Stt	Chi tiêu	30/06/2016	30/06/2017	30/06/2018	31/12/2018
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	4.216	4.472	9.813	9.686
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	855	203	325	700
	- Tiền	431	203	271	645
	- Các khoản tương đương tiền	424	-	54	55
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	46	112	614	906
	- Chứng khoán kinh doanh	54	116	148	44
	- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	- 8	- 4	- 9	- 5
	- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	1	475	868
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	1.931	2.068	4.715	4.972
	- Phải thu khách hàng	822	563	1.586	2.175
	- Trả trước cho người bán	939	1.162	2.328	2.536
	- Phải thu về cho vay ngắn hạn	134	286	215	25
	- Phải thu ngắn hạn khác	71	97	661	305
	- Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	- 35	- 40	- 75	- 69
4	Hàng tồn kho	1.333	1.958	3.972	2.697
	- Hàng tồn kho	1.334	1.960	4.009	2.707
	- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	- 1	- 2	- 38	- 9
5	Tài sản ngắn hạn khác	50	132	187	410
	- Chi phí trả trước ngắn hạn	41	63	127	370
	- Thuế GTGT được khấu trừ	9	1	45	21
	- Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	0	68	16	19
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	2.621	3.334	7.880	7.216
1	Các khoản phải thu dài hạn	194	248	543	543
	- Trả trước cho người bán dài hạn	59	87	129	130
	- Phải thu cho vay dài hạn	-	0	-	-
	- Phải thu dài hạn khác	135	160	414	325
2	Tài sản cố định	1.555	1.442	4.698	4.477
	Tài sản cố định hữu hình	1.306	1.223	4.507	4.296
	- Nguyên giá	3.052	3.148	8.484	8.550
	- Giá trị hao mòn lũy kế	- 1.746	- 1.925	- 3.977	- 4.250
	Tài sản cố định thuê tài chính	68	63	119	109
	- Nguyên giá	74	74	152	144
	- Giá trị hao mòn lũy kế	- 6	- 11	- 33	- 35
	Tài sản cố định vô hình	182	157	73	72
	- Nguyên giá	198	173	107	109

	- Giá trị hao mòn lũy kế	- 16	- 16	- 34	- 37
3	Bất động sản đầu tư	-	131	181	177
	- Nguyên giá	-	138	206	206
	- Giá trị hao mòn lũy kế	-	- 7	- 25	- 29
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	125	79	134	198
5	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	686	1.373	637	300
	- Đầu tư vào công ty liên kết	399	1.373	193	193
	- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	288	1	445	106
	- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	- 1	- 1	- 1	- 1
6	Tài sản dài hạn khác	60	61	1.687	1.583
	- Chi phí trả trước dài hạn	42	44	1.501	1.405
	- Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	1	1	16	20
	- Lợi thế thương mại	18	16	170	158
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	6.837	7.806	17.694	16.902
IV	NỢ PHẢI TRẢ	4.134	4.693	11.596	11.326
1	Nợ ngắn hạn	2.774	3.169	8.902	8.800
	- Phải trả cho người bán	46	126	358	706
	- Người mua trả tiền trước	85	90	189	222
	- Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	12	17	159	75
	- Phải trả người lao động	10	9	26	10
	- Chi phí phải trả ngắn hạn	59	55	299	299
	- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	3	7	10
	- Các khoản phải trả, phải nộp khác	24	7	81	478
	- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	2.850	7.703	6.747
	- Dự phòng phải trả ngắn hạn	2.520	-	4	2
	- Quỹ khen thưởng và phúc lợi	17	13	76	171
2	Nợ dài hạn	1.360	1.523	2.694	2.529
	- Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	-	16	13	17
	- Phải trả dài hạn khác	0	6	7	7
	- Nợ dài hạn khác	-	-	-	-
	- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.360	1.501	2.582	2.417
	- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	90	85
	- Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	1	2
	- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	2	2
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	2.702	3.113	6.097	5.576
1	Vốn chủ sở hữu	2.702	3.061	6.097	5.575
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.948	2.532	5.570	5.570
	- Thặng dư vốn cổ phần	155	76	6.243	6.243
	- Phụ trội hợp nhất	-	-	5.534	5.534
	- Cổ phiếu quỹ	- 40	-	- 1.100	- 1.100

	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	- 2	7	- 61	- 69
	- Quỹ đầu tư phát triển	244	39	70	125
	- Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
	- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	386	448	856	296
	+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	94	111	308	292
	+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	292	337	548	4
	- Lợi ích của cổ đông thiểu số	12	12	53	42
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	0
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	6.837	7.806	17.694	16.902

5.2. Tình hình công nợ hiện nay

a. Các khoản nợ lớn (BCTC riêng Quý II kết thúc ngày 31/12/2018)

		Đơn vị: Tỷ đồng
STT	Chỉ tiêu	31/12/2018
I	Nợ ngắn hạn	4.889
1	Phải trả cho người bán	490
2	Người mua trả tiền trước	16
3	Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	43
4	Phải trả người lao động	0
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	74
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	4
7	Phải trả ngắn hạn khác	440
8	Vay ngắn hạn	3.712
9	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	110
II	Nợ dài hạn	1.044
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16
2	Phải trả dài hạn khác	6
3	Vay dài hạn	1.022
Tổng cộng		5.933

Trong đó: các khoản vay và nợ thuê tài chính



Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Vay	31/12/2018
I	Ngắn hạn	3.712
1	Vay ngân hàng	2.290
2	Vay từ bên liên quan	534
3	Trái phiếu ngắn hạn (*)	546
4	Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	51
5	Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan	2
6	Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	289
II	Dài hạn	1.022
1	Vay ngân hàng	145
2	Vay bên liên quan	1
3	Trái phiếu (**)	876
Tổng cộng		4.734

(*) Chi tiết Trái phiếu ngắn hạn

Phát hành theo mệnh giá	31/12/2018 (Tỷ đồng)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Mục đích vay	Hình thức bảo đảm
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh Hợp đồng mua trái phiếu số 139/2018/HĐMTP.TT CBH ngày 20/4/2018	450	20/04/2019	10,5	Bổ sung vốn lưu động	+ 61.600.900 cổ phiếu quỹ của Công ty được phong tỏa tại CTCP Chứng khoán MB với giá trị 1.100.000.000.000 VND; và tài sản đảm bảo bổ sung bằng tiền tương đương với giá trị cổ phiếu quỹ bị giảm giá trên 15% so với giá đóng cửa hàng ngày trên Sàn Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh;
Tổng CTCP Bảo hiểm Bưu điện Hợp đồng mua trái phiếu số 1005/2018/SBT-PTI ngày 10/5/2018	100	Từ ngày 10/05/2019 - 15/05/2019	11	Bổ sung vốn lưu động	+ Hợp đồng bảo lãnh số 139/2018/HĐBL-TTC ngày 18/4/2018 và số 147/2018/HĐBL-TTC ngày 10/5/2018, trong đó CTCP Đầu tư Thành Thành Công bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang toàn bộ các nghĩa vụ của Công ty đối với các bên mua trái phiếu theo các hợp đồng mua trái phiếu
Chi phí phát hành	(3,68)				
Tổng cộng	546,32				

() Chi tiết Trái phiếu dài hạn**

Handwritten signature

Phát hành theo mệnh giá	31/12/2018 (Tỷ VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất, hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Hợp đồng mua trái phiếu số 01.2016/PL/T PBANK-SBT ngày 30/05/2016	450	Từ 30/05/2019 - 30/05/2021	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động	<p><i>Lãi suất trái phiếu</i> là 8,5% cho năm đầu tiên và lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo sẽ bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn 12 tháng bằng VNĐ được công bố tại chi nhánh của 4 ngân hàng TPBank, VIB, VCB và Vietinbank cộng (+) với biên 2,6%/năm</p> <p><i>Hình thức đảm bảo:</i> Quyền sử dụng đất thửa số 97 tại xã Tân Hưng, huyện Tân Châu, Tây Ninh, tài sản gắn liền với đất, máy móc thiết bị và 51% phần vốn góp của Công ty tại Cty TNHH MTV Thành Thành Công Gia Lai</p>
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hợp đồng mua trái phiếu số 06-TP/2016/VIB-TTCS ngày 30/05/2016	300	Từ 30/05/2019 - 30/05/2021	Cơ cấu nợ vay và bổ sung vốn lưu động	



Phát hành theo mệnh giá	31/12/2018 (Tỷ VND)	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất, hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội - Hợp đồng mua trái phiếu số 01/2017/HĐT P/TTCS-BIDV ngày 23/06/2017	425,6	Từ 23/06/2020 - 23/06/2023	Thực hiện dự án đầu tư cụm công nghiệp mía đường và vùng nguyên liệu tại tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào thông qua mua phần vốn góp của Công ty TNHH Mía đường TTC Attapeu	Lãi suất trái phiếu sẽ được Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam - Chi nhánh Gia Định xác định tại ngày phát hành đối với kỳ tính lãi đầu tiên hoặc ngày làm việc thứ 07 trước ngày đầu tiên của mỗi kỳ tính lãi đối với các kỳ tính lãi tiếp theo; và bằng lãi suất trung bình của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân trả sau kỳ hạn 12 tháng bằng VNĐ được công bố bởi BIDV - Chi nhánh TPHCM, VCB - Chi nhánh TPHCM, Agribank - Chi nhánh TPHCM và Vietinbank - Chi nhánh HCM cộng (+) với biên độ 3,2%/năm Hình thức đảm bảo: - Quyền thuê đất theo hợp đồng số 8011/TNM ngày 19/11/2012 giữa Cty TNHH Mía đường Hoàng Anh Attapeu ("Hoàng Anh Attapeu") và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với diện tích đất 51 ha huyện Phu Vong, tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và toàn bộ tài sản là động sản và bất động sản gắn liền với đất và các quyền, lợi ích và quyền lợi phát sinh từ tài sản gắn liền với đất của Hoàng Anh Attapeu; và quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; - Quyền thuê đất theo hợp đồng ngày 26/12/2013 giữa Hoàng Anh Attapeu và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đối với diện tích đất 2.739,9 ha tại tỉnh Attapeu, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và toàn bộ tài sản gắn liền với đất và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích gắn liền và phát sinh từ tài sản gắn liền với đất của Hoàng Anh Attapeu; công trình xây dựng, máy móc thiết bị phục vụ nông trường, nhà máy nhiệt điện và nhà máy phân vi sinh; và quyền sở hữu và quyền được bồi thường khi phát sinh các sự kiện bảo hiểm theo các hợp đồng bảo hiểm đối với tài sản gắn liền với đất nêu trên; và - Toàn bộ khoản vốn góp của Công ty tại TTC Attapeu
Chi phí phát hành	(10,47)			
Tổng cộng	1.165,13			

Trong đó
 Trái phiếu dài hạn đến hạn trả 289,01
 Trái phiếu dài hạn 876,12



b. Các khoản phải trả qua các năm (BCTC hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ
đồng

STT	Chỉ tiêu	30/06/2017	30/6/2018	31/12/2018
I	Nợ ngắn hạn	3.169	8.902	8.796
1	Phải trả cho người bán	126	358	706
2	Người mua trả tiền trước	90	189	223
3	Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	17	159	75
4	Phải trả người lao động	9	26	10
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	55	299	372
6	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	3	7	10
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	7	81	479
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	0	4	2
9	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	2.849	7.704	6.747
10	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	13	76	172
II	Nợ dài hạn	1.523	2.694	2.530
1	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	16	13	17
2	Phải trả dài hạn khác	6	7	7
3	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.501	2.581	2.417
4	Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	0	90	85
5	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	0	0,6	2
Tổng cộng		4.692	11.596	11.326

Trong đó: Chi tiết các khoản vay và nợ thuê tài chính qua các năm (BCTC hợp nhất)

Đơn vị: Tỷ
đồng

STT	Chỉ tiêu	30/06/2017	30/6/2018	31/12/2018
I	Nợ ngắn hạn	2.606	6.425	5.473
1	Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam – Chi	312	606	307

	nhánh Hồ Chí Minh			
2	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	399	350	57
3	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Đông Sài Gòn	43	120	165
4	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	0	89	146
5	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	158	134	228
6	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	109	200	147
7	Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam	70	150	0
8	Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Tân Thuận	0	0	0
9	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	36	85	70
10	Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hà Nội	60	92	0
11	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định	0	246	416
12	Ngân hàng Natixis (BPCE IOM) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	103	261	241
13	Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Dak lak	99	153	213
14	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	60	60	60
15	Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh	0	0	0
16	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Gia Lai	36	0	0
17	Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh Hồ Chí Minh	83	207	229
18	Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hòa Hưng	100	0	0
19	Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	38	260	126
20	Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Bình Dương	29	0	0
21	Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh – Chi nhánh Tây Ninh	15	52	100
22	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	499	362	211
23	Ngân hàng Mizuho Bank, Ltd - Chi nhánh Hà Nội	220	0	0
24	Ngân hàng DBS Bank Ltd - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	137	41	170
25	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	0	800	446



26	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	0	446	191
27	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	0	375	690
28	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hồ Chí Minh	0	286	205
29	Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	0	200	150
30	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng	0	236	230
31	Ngân hàng United Oversea Bank Limited - Chi nhánh Hồ Chí Minh	0	136	141
32	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Đồng Nai	0	100	0
33	Ngân hàng Liên doanh Lào Việt - Chi nhánh Attapeu (*)	0	61	42
34	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	0	61	21
35	Ngân hàng Sinopac – Chi nhánh Hồ Chí Minh	0	67	75
36	Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Khánh Hòa	0	50	0
37	Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	0	50	0
38	Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam – Chi nhánh Nha Trang	0	40	0
39	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hồ Chí Minh	0	32	117
40	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	0	17	10
41	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	0	0	217
42	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa	0	0	40
43	Ngân hàng TMCP Phương Đông - Chi nhánh Đồng Nai	0	0	8
44	Ngân hàng TMCP Phát triển HCM (HD Bank)	0	0	4
II	Nợ dài hạn	379	1.152	991
1	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	352	280	247
2	Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	0	0	0
3	Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Tây Ninh	18	55	43
4	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Gia Lai	9	18	19
5	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	0	502	472

6	Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Đồng Sài Gòn	0	90	80
7	Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh ĐakLak	0	114	56
8	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	0	64	62
9	Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Ninh	0	11	2
10	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	0	7	5
11	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	0	6	2
12	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ninh Thuận	0	5	3
III	Trái phiếu phát hành	1.309	2.664	991
	Trái phiếu ngắn hạn	0	550	550
1	Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	0	450	450
2	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Hiểm Bưu Điện	0	100	100
	Trái phiếu dài hạn	1.309	2.114	2.106
1	Ngân hàng TMCP Tiền Phong	533	450	450
2	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	356	300	300
3	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	420	426	426
4	Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Hồ Chí Minh	0	300	298
5	Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	0	338	632
6	Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Sở Giao dịch	0	300	0
IV	Nợ thuê tài chính	53	81	62
1	Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu	53	81	62
2	Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế	0	0	0
Tổng cộng		4.347	12.436	11.288



Bảng 17: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
ĐVT: đồng

Thuế	31/12/2018
Phải nộp	21.574.103.645
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	14.789.139.939
Thuế giá trị gia tăng	6.644.270.049
Thuế thu nhập cá nhân	140.693.657
Phải thu	8.982.771.214
Thuế giá trị gia tăng	8.982.771.214

(Theo BCTC riêng Quý II kết thúc ngày 31/12/2018)
ĐVT: đồng

Thuế	31/12/2018
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	24.850.502.712
Thuế giá trị gia tăng	27.153.228.364
Thuế thu nhập cá nhân	4.180.537.268
Khác	18.613.056.198
Tổng cộng	74.797.324.542

(Theo BCTC Quý II kết thúc ngày 31/12/2018)

Bảng 18: Thông tin các hợp đồng quan trọng có giá trị lớn

TT	Số HĐ	Tên đối tác	Thời điểm ký HĐ	Thời gian thực hiện	Sản phẩm/ Nội dung HĐ	Giá trị HĐ (Triệu đồng)	Tình trạng
1	Hợp đồng số PL - LDMS.111.2018.0813	CTY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT SUNTORY PEPSICO VIỆT NAM	13/3/2019	30/9/2019	Đường RE	206,330	Đang giao hàng
2	Theo PO	CTY TNHH QUỐC TẾ UNILEVER VIỆT NAM	28/1/2019	Qui 2/19	Đường RE	10.080	Đang giao hàng
3	Đơn đặt hàng số SWT-0218-1755	CTY TNHH NƯỚC GIẢI KHÁT COCA-COLA VIỆT NAM	9/3/2018	30/05/2019	Đường RE	102.200	Đang giao hàng
4	Hợp đồng VCF-TTCTN/HĐNT	CTY CỔ PHẦN VINACAFE BIÊN HÒA	1/12/2018	30/9/2019	Đường RS	86.800	Đang giao hàng
5	Hợp đồng mua hàng số 192021/MSI-TTCBH	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CÔNG NGHIỆP MASAN	1/12/2018	30/9/2019	Đường RS	99.025,36	Đang giao hàng
Tổng cộng						504.435.363	



III. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Các định nghĩa

Các thuật ngữ và cụm từ viết hoa sử dụng trong Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu sẽ có nghĩa như quy định bên dưới.

“Tổ Chức Phát Hành” là Công ty cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa;

“Trái Phiếu” là trái phiếu do TTC-BH phát hành, không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo;

“Đại Lý Phát Hành”: Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam là Đại lý Phát hành Trái Phiếu (**“Đại Lý Phát Hành Trái Phiếu”**);

“Tổ Chức Lưu Ký Trái Phiếu”: Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam là Tổ chức Lưu ký Trái Phiếu (**“Tổ Chức Lưu Ký Trái Phiếu”**);

“Hợp Đồng Đặt Mua Trái Phiếu” có nghĩa là hợp đồng mua bán trái phiếu ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Bên Đặt Mua Trái Phiếu;

“Nghĩa Vụ Được Đảm Bảo” có nghĩa là các khoản phải trả, các nghĩa vụ và trách nhiệm (bất kể là thực tế hay tiềm tàng) của Tổ Chức Phát Hành đối với những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo và liên quan tới Trái Phiếu, cùng với tất cả các phí tổn, phí và chi phí mà những Người Sở Hữu Trái Phiếu, phải gánh chịu liên quan tới việc bảo vệ, duy trì và thực thi các quyền của những Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan tới Trái Phiếu;

“Người Sở Hữu Trái Phiếu” có nghĩa là chủ sở hữu hợp lệ của Trái Phiếu được thiết lập quyền sở hữu bởi Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu và ghi nhận tại Sổ Đăng Ký Trái Phiếu của Tổ chức Lưu ký Trái phiếu như được quy định Bản Công Bố Thông Tin;

“Ngày Phát Hành”:/05/2019. Thời gian cụ thể theo Hợp đồng mua bán trái phiếu;

“Ngày Đáo Hạn”:/...../2020. Thời gian cụ thể theo Hợp đồng mua bán trái phiếu;

“Ngày Thanh Toán Lãi”: là ngày tổ chức phát hành thanh toán lãi cho người nắm giữ trái phiếu;

“Kỳ Trả Lãi”: là thời hạn tổ chức phát hành trả lãi cho người nắm giữ trái phiếu;

“Ngày Hoàn Trả Cuối Cùng”: là Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Trả Lãi cuối cùng;

“Ngày Làm Việc”: là bất kỳ ngày nào trừ (i) ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật và ngày lễ tại Việt Nam và (ii) bất kỳ ngày nào mà vào ngày đó các ngân hàng tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc phải đóng cửa theo quy định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

“Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu” là cuộc họp của những người sở hữu trái phiếu tại thời điểm triệu tập cuộc họp đó;

“Nghị Định 163”: là Nghị định số 163/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;

“Sự kiện vi phạm”: Là một trong những sự kiện xảy ra được quy định chi tiết tại Bản Công Bố Thông Tin này;

“Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái phiếu”: là các điều khoản và điều kiện quy định có liên quan đến Trái phiếu phát hành được liệt kê của Bản Công Bố Thông Tin này.

2. Căn cứ pháp lý của đợt phát hành:

- ❖ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;
- ❖ Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;
- ❖ Nghị quyết Hội đồng quản trị số thông qua phương án phát hành trái phiếu của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa.

3. Việc đáp ứng các điều kiện phát hành trái phiếu của doanh nghiệp:

Theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp

- ❖ Thời gian hoạt động của doanh nghiệp: 24 năm (Từ năm 1995);
- ❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm trước liền kề năm phát hành: căn cứ theo báo cáo tài chính được kiểm toán;
- ❖ Số lượng nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu của đợt phát hành: dưới 100 nhà đầu tư;
- ❖ Phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt tại: văn bản số ngày 14/05/2019 do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thành Thành Công phê duyệt.
- ❖ Tình hình thanh toán các khoản nợ trái phiếu đến hạn trong 03 năm liền kề trước đợt phát hành trái phiếu: Thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

4. Mục đích của đợt phát hành trái phiếu

Nhằm mục đích có thêm nguồn vốn giúp nâng cao năng lực tài chính, giảm thiểu rủi ro thanh khoản, TTC-BH thực hiện việc phát hành trái phiếu nhằm giúp Công ty tăng quy mô vốn hoạt động.

5. Tổng giá trị trái phiếu dự kiến phát hành

Tổng giá trị Trái phiếu dự kiến phát hành : 500.000.000.000 VNĐ (Năm trăm tỷ đồng).

6. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu

Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.



III. THÔNG TIN VỀ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

1. Các định nghĩa

Các thuật ngữ và cụm từ viết hoa sử dụng trong Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu sẽ có nghĩa như quy định bên dưới.

“Tổ Chức Phát Hành” là Công ty cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa;

“Trái Phiếu” là trái phiếu do TTC-BH phát hành, không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo;

“Đại Lý Phát Hành”: Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam là Đại lý Phát hành Trái Phiếu (**“Đại Lý Phát Hành Trái Phiếu”**);

“Tổ Chức Lưu Ký Trái Phiếu”: Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam là Tổ chức Lưu ký Trái Phiếu (**“Tổ Chức Lưu Ký Trái Phiếu”**);

“Hợp Đồng Đặt Mua Trái Phiếu” có nghĩa là hợp đồng mua bán trái phiếu ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Bên Đặt Mua Trái Phiếu;

“Nghĩa Vụ Được Đảm Bảo” có nghĩa là các khoản phải trả, các nghĩa vụ và trách nhiệm (bất kể là thực tế hay tiềm tàng) của Tổ Chức Phát Hành đối với những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo và liên quan tới Trái Phiếu, cùng với tất cả các phí tổn, phí và chi phí mà những Người Sở Hữu Trái Phiếu, phải gánh chịu liên quan tới việc bảo vệ, duy trì và thực thi các quyền của những Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan tới Trái Phiếu;

“Người Sở Hữu Trái Phiếu” có nghĩa là chủ sở hữu hợp lệ của Trái Phiếu được thiết lập quyền sở hữu bởi Giấy Chứng Nhận Sở Hữu Trái Phiếu và ghi nhận tại Sổ Đăng Ký Trái Phiếu của Tổ chức Lưu ký Trái phiếu như được quy định Bản Công Bố Thông Tin;

“Ngày Phát Hành”:/05/2019. Thời gian cụ thể theo Hợp đồng mua bán trái phiếu;

“Ngày Đáo Hạn”:/...../2020. Thời gian cụ thể theo Hợp đồng mua bán trái phiếu;

“Ngày Thanh Toán Lãi”: là ngày tổ chức phát hành thanh toán lãi cho người nắm giữ trái phiếu;

“Kỳ Trả Lãi”: là thời hạn tổ chức phát hành trả lãi cho người nắm giữ trái phiếu;

“Ngày Hoàn Trả Cuối Cùng”: là Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Trả Lãi cuối cùng;

“Ngày Làm Việc”: là bất kỳ ngày nào trừ (i) ngày Thứ Bảy, Chủ Nhật và ngày lễ tại Việt Nam và (ii) bất kỳ ngày nào mà vào ngày đó các ngân hàng tại Việt Nam được phép hoặc bắt buộc phải đóng cửa theo quy định của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

“Hội Nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu” là cuộc họp của những người sở hữu trái phiếu tại thời điểm triệu tập cuộc họp đó;

“Nghị Định 163”: là Nghị định số 163/2018/NĐ-CP của Chính phủ ngày 04 tháng 12 năm 2018 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;

“Sự kiện vi phạm”: Là một trong những sự kiện xảy ra được quy định chi tiết tại Bản Công Bố Thông Tin này;

“Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái phiếu”: là các điều khoản và điều kiện quy định có liên quan đến Trái phiếu phát hành được liệt kê của Bản Công Bố Thông Tin này.

2. Căn cứ pháp lý của đợt phát hành:

- ❖ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 26/11/2014 và các văn bản hướng dẫn thực hiện;
- ❖ Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về việc quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp;
- ❖ Nghị quyết Hội đồng quản trị số thông qua phương án phát hành trái phiếu của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa.

3. Việc đáp ứng các điều kiện phát hành trái phiếu của doanh nghiệp:

Theo quy định tại Điều 10, Điều 11 Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp

- ❖ Thời gian hoạt động của doanh nghiệp: 24 năm (Từ năm 1995);
- ❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm trước liền kề năm phát hành: căn cứ theo báo cáo tài chính được kiểm toán;
- ❖ Số lượng nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu của đợt phát hành: dưới 100 nhà đầu tư;
- ❖ Phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt tại: văn bản số ngày 14/05/2019 do Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thành Thành Công phê duyệt.
- ❖ Tình hình thanh toán các khoản nợ trái phiếu đến hạn trong 03 năm liền kề trước đợt phát hành trái phiếu: Thanh toán đầy đủ và đúng hạn.

4. Mục đích của đợt phát hành trái phiếu

Nhằm mục đích có thêm nguồn vốn giúp nâng cao năng lực tài chính, giảm thiểu rủi ro thanh khoản, TTC-BH thực hiện việc phát hành trái phiếu nhằm giúp Công ty tăng quy mô vốn hoạt động.

5. Tổng giá trị trái phiếu dự kiến phát hành

Tổng giá trị Trái phiếu dự kiến phát hành : 500.000.000.000 VNĐ (Năm trăm tỷ đồng).

6. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu

Theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 163/2018/NĐ-CP ngày 04 tháng 12 năm 2018 về phát hành trái phiếu doanh nghiệp.



- 6.1. Kỳ hạn trái phiếu:** 12 (Mười hai) tháng
- 6.2. Mệnh giá:** 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng/ Trái phiếu
- 6.3. Loại hình trái phiếu:** Trái Phiếu được phát hành là loại trái phiếu không chuyển đổi, có tài sản đảm bảo và được thanh toán bằng tiền Đồng Việt Nam.
- 6.4. Hình thức trái phiếu:** Trái Phiếu được phát hành dưới hình thức bút toán ghi sổ.
- 6.5. Lãi suất:**

*** Lãi suất:**

Lãi suất cố định là 10,5%/năm (mười phẩy năm phần trăm trên năm).

*** Kỳ trả lãi:** 03 tháng.

Kỳ Tính Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu vào Ngày Phát Hành và kết thúc vào (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên. Mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bắt đầu vào Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Tính Lãi trước đó và kết thúc vào (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi tiếp theo.

Ngày xác định lãi suất:

- (i) Ngày Làm Việc thứ 05 (năm) trước ngày đầu tiên của mỗi Kỳ điều chỉnh lãi suất;
- (ii) Ngày xác định lãi suất của Kỳ tính lãi đầu tiên là Ngày Phát Hành.

Ngày Thanh Toán Lãi:

- (i) Các Ngày Thanh Toán Lãi của các Kỳ Trả Lãi, trừ Kỳ Trả Lãi cuối cùng: là ngày cuối cùng của Kỳ Trả Lãi.
- (ii) Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Trả Lãi cuối cùng: là Ngày Hoàn Trả Cuối Cùng;
- (iii) Nếu Ngày Thanh Toán Lãi không phải là Ngày làm việc thì Ngày Thanh Toán Lãi là ngày làm việc liền sau ngày lễ/hoặc ngày nghỉ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi Trái Phiếu được tính theo Kỳ Trả Lãi kể từ và bao gồm ngày Ngày Phát Hành cho đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại Trái Phiếu, và được thanh toán sau theo Kỳ Trả Lãi vào Ngày Thanh Toán Lãi.

Tiền lãi Trái Phiếu của Kỳ Trả Lãi được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tiền lãi của Kỳ} & & & & \text{Lãi suất} & & \\ \text{Trả Lãi} & & & & \text{Trái Phiếu} & & \text{Số ngày thực tế} \\ & & & & \text{tại Kỳ Trả} & & \text{của Kỳ Trả Lãi} \\ & & & & \text{Lãi} & & \text{đó/365} \\ & & & & (\%/năm) & & \end{array}$$

Trường hợp tiền lãi Trái Phiếu được hưởng không tròn Kỳ Tính Lãi, bao gồm nhưng không giới hạn trường hợp Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu trước hạn hoặc bị buộc mua lại Trái Phiếu trước hạn dưới đây, trừ trường hợp có sự thỏa thuận khác, thì tiền lãi được hưởng sẽ được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi trong trường hợp không tròn Kỳ Trả Lãi} = \text{Mệnh giá Trái Phiếu} \times \text{Lãi suất Trái Phiếu tại Kỳ Trả Lãi (\%/năm)} \times \text{Số ngày thực tế nắm giữ Trái Phiếu trong Kỳ Trả Lãi đó/365}$$

6.6. Ngày hoàn trả cuối cùng

Là Ngày Đáo Hạn của Trái Phiếu hoặc Ngày Thực Hiện Quyền Mua Lại toàn bộ Trái Phiếu trước hạn theo các Điều Khoản và Điều Kiện của Trái Phiếu.

Trường hợp Ngày Hoàn Trả Cuối Cùng không phải là ngày làm việc thì Ngày Hoàn Trả Cuối cùng sẽ là ngày làm việc tiếp theo của ngày đó.

6.7. Các tổ chức được chỉ định tham gia giao dịch

Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam là Tổ chức Lưu ký Trái phiếu cho Trái Phiếu theo Hợp Đồng Lưu ký Trái Phiếu:

- (i) Tổ chức Lưu ký Trái phiếu sẽ lập Sổ Đăng Ký Trái Phiếu cho mỗi đợt phát hành và quản lý việc chuyển nhượng các loại Trái Phiếu.
- (ii) Vào Ngày Thanh Toán Lãi hoặc Ngày Đáo Hạn, Tổ chức Lưu ký Trái phiếu sẽ thực hiện thanh toán các khoản tiền lãi và/hoặc tiền gốc Trái Phiếu bằng việc chuyển tiền vào các tài khoản ngân hàng của Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu. Trình tự, thủ tục chốt danh sách và thanh toán như sau:
 - Vào ngày làm việc thứ 15 (mười lăm) trước Ngày Thanh Toán Lãi, và/hoặc Ngày Đáo Hạn, Tổ chức Lưu ký Trái phiếu sẽ gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và những Người Sở Hữu Trái Phiếu thông báo về ngày chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu để thực hiện thanh toán tiền lãi và/hoặc tiền gốc Trái Phiếu; Kể từ Ngày Chốt Danh Sách cho tới Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn, Người Sở Hữu Trái Phiếu không được yêu cầu đăng ký chuyển nhượng Trái Phiếu và bất kỳ khoản thanh toán tiền gốc hoặc tiền lãi nào liên quan đến Trái Phiếu;
 - Tổ chức Lưu ký Trái phiếu sẽ thực hiện chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu vào Ngày Làm Việc thứ 07 (bảy) trước Ngày Thanh Toán Lãi và/hoặc Ngày Đáo Hạn (“Ngày Chốt Danh Sách”);
 - Trong vòng 02 (hai) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Chốt Danh Sách, Tổ chức Lưu ký Trái phiếu sẽ gửi danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu chốt tại Ngày Chốt Danh Sách cho Tổ Chức Phát Hành (trong đó xác định rõ số tiền lãi và/hoặc tiền gốc Trái Phiếu đến hạn phải trả cho mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu và số tài khoản nhận lãi và/hoặc tiền gốc Trái Phiếu của mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu đó).

6.8. Phạt chậm trả gốc, lãi trái phiếu

- (i) Mỗi Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi kể từ Ngày Hoàn Trả Cuối Cùng trừ khi tiền gốc của Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ. Trong trường hợp đó, Trái Phiếu sẽ tiếp tục được hưởng lãi với mức lãi suất bằng 150% lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi ngay trước Ngày Hoàn Trả Cuối Cùng (kể cả trước và sau khi có phán quyết) cho đến, nhưng không bao gồm, ngày mà vào ngày đó tất cả các khoản tiền đến hạn liên quan đến Trái Phiếu được Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người được ủy quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu nhận được tất cả các khoản tiền đến hạn liên quan đến Trái Phiếu. Tiền lãi trên gốc chậm thanh toán sẽ được tính theo công thức sau:



$$\text{Số tiền phạt} = \text{Mệnh giá Trái Phiếu đang nắm giữ} \times \frac{150\% \text{ Lãi suất Trái Phiếu tại Kỳ Trả Lãi}}{100} \times \frac{\text{Số ngày quá hạn trả gốc Trái Phiếu/365}}{100}$$

- (ii) Trường hợp vào Ngày Thanh Toán Lãi mà Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ tiền lãi Trái Phiếu đến hạn thì Tổ Chức Phát Hành phải trả lãi quá hạn đối với số tiền chậm trả tính từ ngày chậm trả đến ngày thanh toán thực tế theo mức 150% lãi suất Trái Phiếu áp dụng cho Kỳ Tính Lãi bị chậm trả trên cơ sở một năm có 365 ngày theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi phạt} = \text{Số tiền lãi chậm trả} \times \frac{150\% \text{ Lãi suất Trái Phiếu tại Kỳ Trả Lãi}}{100} \times \frac{\text{Số ngày quá hạn trả lãi trái phiếu/365}}{100}$$

6.9. Hoàn trả tiền gốc trái phiếu

Hoàn trả tiền gốc

Trừ khi được mua lại trước hạn theo quy định của Điều Khoản dưới đây, tiền gốc của Trái Phiếu sẽ được hoàn trả bằng mệnh giá vào Ngày Đáo Hạn.

Mua lại trái phiếu

- (i) Tổ Chức Phát Hành có quyền thực hiện mua lại toàn bộ Trái Phiếu tại sau một năm kể từ ngày phát hành với giá mua lại được quy định tại Mục 6.1 ở trên.
- (ii) Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền yêu cầu và Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ phải mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu trước hạn theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu khi phát sinh Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành theo Sự Kiện Vi Phạm được quy định tại Các Điều Khoản và Điều Khoản Trái Phiếu này.
- (iii) Giá mua lại trước hạn khi phát sinh Sự Kiện Vi Phạm (trừ trường hợp vi phạm theo nội dung quy định tại khoản trả gốc lãi tại Mục 11 của Bản Công Bố Thông Tin này) tối thiểu phải bằng mệnh giá của Trái Phiếu tương ứng cộng với (i) tiền lãi kể từ và bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Trả Lãi diễn ra sự kiện mua lại, cho đến nhưng không bao gồm ngày thực hiện mua lại và (ii) tiền lãi chưa được thanh toán, theo như công thức sau:

$$\text{Giá mua lại Trái phiếu} = \text{Mệnh giá Trái phiếu đang nắm giữ} + \text{Lãi phát sinh theo lãi suất quy định của trái phiếu từ ngày trả lãi gần nhất cho đến (nhưng không bao gồm) ngày thực hiện việc thanh toán tiền mua lại}$$

6.10. Hủy bỏ

Tất cả Trái Phiếu được hoàn trả và/hoặc được Tổ Chức Phát Hành mua lại theo Các Điều Khoản và Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ được hủy bỏ ngay và không được phát hành lại hoặc bán lại.

6.11. Các loại thuế có liên quan

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thực hiện sau khi khấu trừ bất kỳ các loại thuế, phí, phí thẩm định hoặc bất cứ loại lệ phí mà Nhà nước hoặc do bất kỳ Bộ, Ban, ngành, cơ quan có thẩm quyền, hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng.



6.12. Luật áp dụng

Các Điều khoản của Trái phiếu sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật pháp Việt Nam.

6.13. Sự kiện vi phạm

Nếu bất cứ sự kiện nào sau đây xảy ra và tiếp diễn:

- (i) *Không thanh toán:* Nếu Tổ Chức Phát Hành không thanh toán tiền gốc hoặc tiền lãi của bất kỳ Trái phiếu nào đến hạn thanh toán và vi phạm đó vẫn tiếp diễn trong thời gian (30) ba mươi ngày; hoặc
- (ii) *Vi phạm các Nghĩa vụ khác:* Tổ Chức Phát Hành vi phạm việc thực hiện hoặc chấp hành hoặc tuân thủ bất kỳ nghĩa vụ nào khác của mình được nêu trong Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu và các Hợp Đồng Cầm Cổ, Hợp Đồng Lưu ký Trái phiếu và Thanh Toán của Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu này mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày phát sinh vi phạm đó; hoặc
- (iii) *Mất khả năng thanh toán:* Tổ Chức Phát Hành mất khả năng thanh toán hoặc không thể thanh toán, hoặc thừa nhận không có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn hoặc bị áp dụng hoặc chấp nhận hoặc buộc phải chỉ định người quản lý, người thanh lý tài sản, hoặc người quản lý toàn bộ hay bất kỳ phần hoạt động kinh doanh nào của Tổ Chức Phát Hành, hoặc tiến hành bất cứ thủ tục nào theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền để điều chỉnh hoặc trì hoãn việc thanh toán các khoản nợ của mình hoặc một phần khoản nợ.
- (iv) *Phá sản, giải thể:* Nếu có lệnh hoặc một nghị quyết được thông qua về việc phá sản, thanh lý hoặc giải thể đối với Tổ Chức Phát Hành, hoặc khi Tổ Chức Phát Hành đã tiến hành bất cứ thủ tục phá sản, thanh lý hay giải thể (trừ khi Tổ Chức Phát Hành được thanh lý liên quan đến việc sáp nhập và công ty được thành lập sau khi sáp nhập tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ liên quan đến Trái phiếu); hoặc
- (v) *Buộc phải thực hiện nghĩa vụ:* Việc thi hành án, tịch thu, tịch biên hoặc bất cứ thủ tục pháp lý nào khác được áp dụng hoặc buộc phải thi hành liên quan đến phần lớn bất động sản, tài sản hoặc doanh thu của Tổ Chức Phát Hành, trừ khi việc tịch thu, tịch biên, thi hành án hoặc thủ tục tố tụng khác được thực hiện trên tinh thần thiện chí hoặc đình chỉ, hoặc
- (vi) *Ngừng hoạt động kinh doanh:* Tổ Chức Phát Hành tạm ngừng hoặc có nguy cơ tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần đáng kể hoạt động của mình hoặc ngừng hoặc có nguy cơ ngừng thực hiện tất cả hoặc một phần đáng kể hoạt động kinh doanh như được tiến hành vào ngày phát hành Trái phiếu; hoặc
- (vii) *Địa vị pháp lý của Tổ Chức Phát Hành:* Nếu Tổ Chức Phát Hành vì bất cứ lý do gì ngừng hoạt động và không còn tồn tại, hoặc bất cứ hành động hoặc thủ tục nào được Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ người nào khác thực hiện hoặc tiến hành dẫn tới việc Tổ Chức Phát Hành ngừng toàn bộ hoặc một phần đáng kể hoạt động kinh doanh của mình hoặc bị giải thể, sáp nhập hoặc hợp nhất hoặc việc thành lập bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ hoặc ngừng hoặc có nguy cơ ngừng thanh toán, hoặc không có khả năng thanh toán, hoặc thừa nhận không có khả năng thanh toán các khoản nợ (hoặc bất kỳ các khoản nợ nào) khi đến hạn, hoặc được xem là không có khả năng trả nợ theo bất kỳ luật áp dụng nào, hoặc tuyên bố bị phá sản hay mất khả năng thanh toán; hoặc



- (viii) **Kiện tụng liên quan đến Tổ Chức Phát Hành:** Nếu (1) có các vụ kiện chống lại Tổ Chức Phát Hành theo bất kỳ luật hiện hành nào về việc thanh lý, mất khả năng thanh toán, liên kết, tái tổ chức hoặc bất kỳ luật nào khác có liên quan hoặc khi có đơn yêu cầu (hoặc văn bản được gửi cho tòa án) về việc bổ nhiệm một người quản lý hành chính hoặc, một người quản lý, một người chủ quản hoặc các chức danh tương tự liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc liên quan đến toàn bộ hay bất kỳ phần nào của công việc kinh doanh, tài sản của Tổ Chức Phát Hành, tùy từng trường hợp, hoặc người thực hiện biện pháp bảo đảm chiếm hữu toàn bộ hoặc một phần công việc kinh doanh hoặc tài sản, hoặc khi bị áp đặt, buộc phải thực hiện, bị yêu cầu phải thực hiện việc tịch biên, thực thi, tịch thu, tịch thu tạm thời hoặc các biện pháp khác đối với toàn bộ hoặc bất kỳ công việc kinh doanh hoặc tài sản của Tổ Chức Phát Hành, và (2) trong bất kỳ trường hợp nào nói trên (ngoài việc chỉ định một người chủ quản) trừ khi việc chỉ định nói trên do công ty có liên quan thực hiện, mà không chấm dứt trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày; hoặc
- (ix) **Bất hợp pháp:** Bất cứ thời điểm nào mà việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo các Điều kiện này trở nên bất hợp pháp; hoặc
- (x) **Cho phép và chấp thuận:** Bất cứ hành động, điều kiện hoặc bất cứ vấn đề nào (bao gồm việc xin hoặc thực hiện các chấp thuận, phê chuẩn, cho phép, miễn giảm, đệ trình, giấy phép, lệnh, nộp hồ sơ hoặc đăng ký) tại bất cứ thời điểm nào cần phải tiến hành, hoàn thành, thực hiện để : (1) cho phép Tổ Chức Phát Hành có thể ký kết, thực thi hợp pháp quyền của mình, thực hiện và tuân thủ các nghĩa vụ theo Trái phiếu, và (2) đảm bảo rằng các nghĩa vụ đó có giá trị ràng buộc và có thể thực thi về mặt pháp lý, nhưng chưa được tiến hành, hoàn thành và thực hiện, thì bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có thể gửi văn bản thông báo tới văn phòng của Tổ Chức Phát Hành, tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và phải thanh toán trong thời hạn không ít hơn 15 ngày kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và ngay tại thời điểm đó khoản tiền gốc và lãi cộng dồn sẽ được coi là đến hạn và phải thanh toán mà không phải thực hiện thêm bất kỳ thủ tục nào khác, trừ khi sự kiện vi phạm được khắc phục trước khi Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo đó.

Trong Điều kiện này:

“Khoản nợ” nghĩa là bất cứ khoản tiền nợ nào liên quan tới:

- các khoản tiền vay;
- bất kỳ giấy nợ, Trái phiếu, kỳ phiếu, hối phiếu nhận nợ, hoặc các chứng khoán khác;
- bất kỳ chấp nhận thanh toán nào;
- các khoản phải thu được bán hoặc chiết khấu (ngoại trừ các khoản phải thu miễn truy đòi);
- chi phí mua tài sản (trong trường hợp chi phí đó được thanh toán trước hoặc sau thời điểm bên có nghĩa vụ thanh toán tiếp nhận hoặc chiếm hữu tài sản đó) được tài trợ thông qua việc cho vay vốn hay cho trả chậm để mua tài sản đó;
- bất cứ hợp đồng thuê nào được ký kết chủ yếu theo cách thức nhằm huy động vốn hoặc cấp vốn để mua tài sản cho thuê đó;
- bất kỳ khoản tiền nào được huy động theo bất kỳ giao dịch nào khác có tính chất thương mại là vay tiền hay huy động vốn;
- bất cứ bảo lãnh, bồi hoàn hoặc các biện pháp bảo đảm tương tự nào để nhận nợ tài chính đối với bất kỳ Bên nào theo bất kỳ mục nào được nêu tại các đoạn ở trên.

6.14. Cấp lại giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu

Nếu Giấy Chứng nhận sở hữu Trái phiếu bị thất lạc, mất cắp, rách nát, bị nhòe, hoặc bị hủy bỏ thì Giấy Chứng nhận sở hữu Trái phiếu đó có thể được cấp lại tại văn phòng được chỉ định của Tổ Chức Phát Hành và thanh toán phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành sau khi được người yêu cầu cấp lại Trái phiếu đã thanh toán các chi phí phát sinh liên quan đến việc cấp lại Trái phiếu và người yêu cầu phải cung cấp chứng cứ và bồi thường thiệt hại mà Tổ Chức Phát Hành có thể yêu cầu một cách hợp lý. Giấy Chứng nhận sở hữu Trái phiếu bị rách hoặc bị nhòe phải được nộp lại trước khi được cấp lại.

6.15. Hội nghị người sở hữu trái phiếu

- (i) Hội nghị người sở hữu Trái phiếu có thể được triệu tập bởi Tổ Chức Phát Hành hoặc người sở hữu Trái phiếu nắm giữ ít nhất 10% tổng mệnh giá Trái phiếu tại thời điểm đó mà chưa được thanh toán (trong trường hợp người sở hữu Trái phiếu triệu tập Hội nghị người sở hữu Trái phiếu thì có thể thông báo hoặc không cần thông báo cho Tổ Chức Phát Hành) với thông báo bằng văn bản trước ít nhất 21 (hai mươi mốt) ngày. Hội nghị người sở hữu Trái phiếu có thể được tổ chức dưới các hình thức phù hợp theo yêu cầu của người triệu tập như hội nghị qua điện thoại, video conference, trao đổi qua thư điện tử...
- (ii) Phụ thuộc vào Điều kiện (14) (iii) dưới đây, số đại biểu cần thiết để cuộc họp được tiến hành là một hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện cho ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái phiếu chưa được thanh toán tại thời điểm đó, hoặc đối với bất kỳ cuộc họp nào được triệu tập lại thì số đại biểu cần thiết để tiến hành cuộc họp là một hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện Người sở hữu Trái phiếu với bất kỳ tỷ lệ Trái phiếu theo mệnh giá nào mà họ nắm giữ hoặc đại diện.
- (iii) Trong bất kỳ hội nghị nào có nội dung sửa đổi ngày đáo hạn Trái phiếu hoặc bất kỳ ngày thanh toán lãi Trái phiếu, giảm hoặc ngừng thanh toán khoản tiền gốc hoặc thay đổi lãi suất phải trả liên quan đến Trái phiếu hoặc thay đổi loại tiền tệ thanh toán Trái phiếu ("Vấn đề loại trừ"), thì số đại biểu cần thiết để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện ít nhất 75% (bảy lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái phiếu tại thời điểm chưa được thanh toán, hoặc bất kỳ cuộc họp nào được triệu tập lại thì số đại biểu để tiến hành họp là một người hoặc nhiều người nắm giữ hoặc đại diện đa số theo tổng mệnh giá Trái phiếu tại thời điểm chưa được thanh toán.
- (iv) Trong trường hợp Nghị quyết được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại Hội Nghị, Nghị Quyết phải được Người Sở hữu Trái phiếu nắm giữ ít nhất 65% (sáu lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái phiếu tham gia cuộc họp thông qua, và sẽ ràng buộc tất cả người sở hữu Trái phiếu (dù họ có tham dự trực tiếp hay không) với điều kiện là được sự chấp thuận của Tổ Chức Phát Hành. Bất kỳ sự thay đổi nào về Vấn đề loại trừ phải được sự chấp thuận của 75% (bảy lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái phiếu tham gia cuộc họp thông qua.
- (v) Trong trường hợp Nghị Quyết thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, Nghị quyết được thông qua nếu được 75% (bảy lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái phiếu chấp thuận.

6.16. Thông báo

Các thông báo gửi cho người sở hữu Trái phiếu sẽ được gửi theo địa chỉ tương ứng của người đó ghi trong Sổ Đăng ký. Thông báo đó được xem là đã được gửi vào ngày làm việc thứ tư kể từ ngày gửi.



6.17. Luật áp dụng

Các Điều khoản của Trái phiếu sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật pháp Việt Nam.

6.18. Miễn trừ

Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành được hưởng quyền miễn trừ về tố tụng, thẩm quyền xét xử của bất cứ tòa án nào, hoặc bất cứ thủ tục pháp lý nào liên quan tới Tổ Chức Phát Hành, thì Tổ Chức Phát Hành từ bỏ vĩnh viễn quyền miễn trừ đó đối với hoặc liên quan tới Trái phiếu.

7. Ngày phát hành dự kiến

Trái Phiếu dự kiến phát hành vào ngày: /05/2019

8. Phương thức phát hành

Trái phiếu được phát hành thông qua Đại Lý Phát Hành Trái Phiếu là Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam.

9. Các tổ chức tham gia đợt phát hành

- | | |
|---------------------------------|---|
| 1. Tổ Chức Phát Hành: | Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa |
| 2. Đại Lý Phát Hành Trái phiếu: | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam |
| 3. Tổ chức Lưu ký Trái phiếu: | Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam |
| 4. Tổ Chức Kiểm Toán: | Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam |

10. Quyền của nhà đầu tư sở hữu Trái Phiếu

10.1. Quyền sở hữu

Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam (“**Tổ chức Lưu ký Trái phiếu**”) sẽ lập và duy trì Sổ Đăng Ký Trái Phiếu (“**Sổ Đăng Ký Trái Phiếu**”) ghi tên Người Sở Hữu Trái Phiếu gồm những thông tin dưới đây:

- (i) Họ tên, số chứng minh nhân dân/hộ chiếu, ngày cấp và nơi cấp (nếu là cá nhân) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp/Quyết định thành lập (nếu là tổ chức) và địa chỉ của Người Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm họ sở hữu Trái Phiếu;
- (ii) Tổng số Trái Phiếu do từng Người Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ;
- (iii) Chi tiết về số tài khoản ngân hàng của Người Sở Hữu Trái Phiếu để chuyển các khoản tiền thanh toán liên quan đến Trái Phiếu.

Trong vòng 10 (mười) ngày làm Việc kể từ ngày người mua Trái Phiếu thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu, Tổ chức Lưu ký Trái phiếu sẽ cấp cho mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu một giấy chứng nhận (“**Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu**”) và ghi tên Người Sở Hữu Trái Phiếu trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu. Mỗi Giấy Chứng Nhận Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được đánh số riêng biệt để nhận biết và sẽ được ghi trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành.

Quyền sở hữu đối với Trái Phiếu chỉ được chuyển giao sau khi các thủ tục chuyển nhượng và việc đăng ký các thông tin về bên nhận chuyển nhượng trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu được hoàn thành theo quy định của Tổ chức Lưu ký Trái phiếu và Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu này. Trong vòng mười (10) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được đầy đủ các tài liệu chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định, Tổ chức Lưu ký Trái phiếu sẽ cấp cho bên nhận chuyển nhượng một Giấy Chứng Nhận



Quyền Sở Hữu Trái Phiếu ghi nhận số tiền gốc của Trái Phiếu đã được chuyển nhượng xác nhận tên và quyền sở hữu của bên nhận chuyển nhượng Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký Trái Phiếu. Các chi phí chuyển nhượng sẽ do Tổ chức Lưu ký Trái phiếu ấn định và phải được các bên có liên quan thanh toán trước khi thực hiện việc chuyển nhượng Trái Phiếu phù hợp với luật Việt Nam và thực tiễn thị trường.

10.2. Quyền của Người Sở Hữu

- ✧ Mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được coi là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu đó về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu đó bao gồm nhưng không giới hạn quyền cầm cố Trái Phiếu theo quy định của pháp luật.
- ✧ Được Tổ chức phát hành thanh toán tiền lãi và gốc trái phiếu đầy đủ theo đúng điều khoản trái phiếu.
- ✧ Được tự do chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu, cầm cố vay vốn trái phiếu TTC-BH trong các quan hệ dân sự theo quy định của Pháp luật
- (i) **Chuyển nhượng:** Trái phiếu bị hạn chế giao dịch, hoặc chuyển nhượng trong phạm vi dưới 100 nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp trong vòng 1 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành, trừ trường hợp theo quyết định của Tòa án hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật. Sau thời gian nêu trên, Trái phiếu được giao dịch không hạn chế về số lượng nhà đầu tư. Trái phiếu phát hành được chuyển nhượng bằng cách chuyển Giấy chứng nhận sở hữu Trái phiếu thông qua Hợp đồng Chuyển nhượng Trái phiếu. Mọi thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của Tổ chức Lưu ký Trái phiếu.
- (ii) **Giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu mới:** Trường hợp Trái phiếu được chuyển nhượng, Tổ chức Lưu ký Trái phiếu có trách nhiệm cấp Giấy chứng nhận sở hữu Trái phiếu cho Trái chủ mới trong 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ chuyển nhượng đầy đủ và hợp lệ như đã nêu ở trên.
- (iii) **Quyền của Trái phiếu khi chuyển nhượng:** Khi trái chủ chuyển nhượng trái phiếu cho đối tượng khác thì được coi như trái chủ cũ đã tự từ bỏ mọi quyền lợi từ trái phiếu mang lại và mặc nhiên trái chủ mới (người nhận chuyển nhượng trái phiếu) sẽ được hưởng mọi quyền lợi từ trái phiếu mang lại tương ứng với phần Trái Phiếu chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng.
- ✧ Được Tổ Chức Phát Hành báo cáo thông tin định kỳ
- (i) Tổ Chức Phát Hành phải cung cấp báo cáo tài chính hàng Quý và báo cáo tài chính 06 tháng cho Người sở hữu trái phiếu trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày sau khi kết thúc mỗi Quý. Đồng thời thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm.
- (ii) Ngay khi có được báo cáo tài chính hàng năm của mình (và trong bất kỳ trường hợp nào trong vòng 90 (chín mươi) ngày sau khi kết thúc năm tài chính của Tổ Chức Phát Hành), Tổ Chức Phát Hành phải cung cấp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu (nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu) bản sao có chứng nhận sao y bản chính báo cáo tài chính hàng năm của Tổ Chức Phát Hành.
- (iii) Ngay khi báo cáo tài chính được kiểm toán (và trong bất kỳ trường hợp nào trong vòng 120 (một trăm hai mươi) ngày sau khi kết thúc năm tài chính của Tổ Chức Phát Hành). Tổ Chức Phát Hành phải cung cấp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu nếu Người Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu) bản sao có chứng nhận sao y bản chính báo cáo tài chính đã được kiểm toán đó.
- (iv) Định kỳ 06 (sáu) tháng một lần hoặc khi có yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu: Tổ Chức Phát Hành phải cung cấp đầy đủ các hồ sơ, thông tin liên quan đến tình hình hoạt động sản

xuất kinh doanh, tình hình tài chính, quản trị doanh nghiệp, tình hình thực hiện các dự án đầu tư, và tình hình sử dụng nguồn vốn Trái Phiếu cho Người Sở Hữu trái phiếu nếu có yêu cầu.

- (v) Tổ Chức Phát Hành phải gửi báo cáo thông tin định kỳ tới địa chỉ Người Sở Hữu Trái Phiếu (địa chỉ đăng ký trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái phiếu).

11. Cam kết về đảm bảo

- (i) Nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi và các khoản thanh toán khác theo hoặc liên quan đến Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành được Bảo lãnh thanh toán từ bên thứ ba là Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công.
- (ii) Trái Phiếu sẽ được đảm bảo: cam kết sử dụng nguồn thu bổ sung từ việc bán 61.600.900 cổ phiếu quỹ của Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa, hiện đang niêm yết trên Sàn Giao Dịch Chứng Khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SBT, do Tổ Chức Phát Hành sở hữu và được lưu ký và /hoặc phong tỏa tại Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán KB Việt Nam. Nguồn thu này được xem là nguồn tiền bổ sung có thể thực hiện nghĩa vụ cam kết thanh toán của Tổ Chức Phát Hành đối với Những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Và Điều Kiện Của Trái Phiếu. Người Sở Hữu Trái Phiếu được quyền yêu cầu Tổ chức phát hành và Tổ chức phát hành không được quyền từ chối bổ sung thêm tài sản bảo đảm bằng tiền khi Tổng giá trị cổ phiếu quỹ bị giảm giá trên 15%.

12. Cam kết của doanh nghiệp phát hành trái phiếu

12.1. Thứ tự thanh toán

- (i) Tại mọi thời điểm sau khi được phát hành, Trái phiếu xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp, không thể chuyển đổi thành cổ phiếu, có tài sản đảm bảo. Các Trái phiếu phát hành cùng đợt có thứ tự thanh toán ưu tiên ngang nhau, với tất cả các khoản nợ khác của Tổ Chức Phát Hành, trừ các khoản nợ ưu tiên. Không Trái phiếu nào có quyền ưu tiên thanh toán hơn Trái phiếu kia vì lý do ưu tiên về ngày phát hành hoặc về đồng tiền thanh toán hoặc các lý do khác bất kỳ và được ưu tiên thanh toán trước các nghĩa vụ khác của Tổ Chức Phát Hành khi xử lý tài sản bảo đảm theo quy định của pháp luật Việt Nam về giao dịch bảo đảm.
- (ii) Đáp ứng điều kiện phát hành Trái Phiếu và quy định khác có liên quan trong hoạt động của Tổ Chức Phát Hành

12.2. Cam kết khác

- (i) Tổ Chức Phát Hành cam kết sử dụng vốn đúng mục đích nêu tại phần Sử Dụng Tiền Thu Được trong Bản Công Bố Thông Tin;
- (ii) Tổ Chức Phát Hành đảm bảo và tạo mọi điều kiện tốt nhất có thể để Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền giám sát và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành thực hiện các cam kết về phát hành và thanh toán Trái Phiếu.
- (iii) Thực hiện đúng kế hoạch và phương án phát hành, chỉ sử dụng tiền thu được từ phát hành Trái Phiếu vào đúng mục đích sử dụng số tiền thu được đã được nêu trong Bản Công Bố Thông Tin này.
- (iv) Cam kết đảm bảo thực hiện đúng phương án trả nợ gốc và lãi Trái Phiếu.
- (v) Mua lại Trái Phiếu trước Ngày Đáo Hạn theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu trong trường hợp phát sinh các Sự Kiện Vi Phạm của Tổ Chức Phát Hành (theo quy định về Sự Kiện Vi Phạm trong Bản Công Bố Thông Tin) hoặc trong trường hợp Tổ chức phát hành vi phạm

quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp, vi phạm phương án phát hành Trái phiếu đã được phê duyệt.

(vi) Báo cáo thông tin định kỳ cho Người Sở Hữu Trái Phiếu:

- Báo cáo tài chính thường niên riêng lẻ và hợp nhất đã kiểm toán của Tổ Chức Phát Hành sẽ được gửi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu trong thời gian 90 (chín mươi ngày) kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính tương ứng. Báo cáo tài chính bán niên riêng lẻ và hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành sẽ được gửi cho Người Sở Hữu Trái Phiếu trong thời gian 60 (sáu mươi ngày) kể từ khi kết thúc kỳ báo cáo tương ứng. Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ nhận bản sao các báo cáo tài chính đó.
- Định kỳ 06 (sáu) tháng một lần hoặc khi có yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu: Tổ Chức Phát Hành phải cung cấp đầy đủ các hồ sơ, thông tin liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, quản trị doanh nghiệp, tình hình thực hiện các dự án đầu tư, và tình hình sử dụng nguồn vốn Trái Phiếu cho Người Sở hữu trái phiếu nếu có yêu cầu.
- Tổ Chức Phát Hành phải gửi báo cáo thông tin định kỳ tới địa chỉ Người Sở Hữu Trái Phiếu (địa chỉ đăng ký trong Giấy chứng nhận quyền sở hữu Trái phiếu).
- Tạo điều kiện cho Người Sở Hữu Trái Phiếu được quyền kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính của Tổ Chức Phát Hành; giám sát việc Tổ Chức Phát Hành tuân thủ các cam kết về phát hành và thanh toán Trái Phiếu, bao gồm cả việc giám sát Tổ Chức Phát Hành sử dụng tiền thu từ phát hành Trái Phiếu theo đúng mục đích phát hành nêu trong phương án phát hành Trái Phiếu và cam kết với Nhà Đầu Tư (Người Sở Hữu Trái Phiếu) theo quy định trong Bản Công Bố Thông Tin và Hợp đồng mua bán trái phiếu.

13. NHÀ ĐẦU TƯ MUA TRÁI PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ RỦI RO TRONG VIỆC ĐẦU TƯ TRÁI PHIẾU, HẠN CHẾ VỀ GIAO DỊCH ĐƯỢC ĐẦU TƯ VÀ TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CỦA MÌNH

14. Các điều khoản và điều kiện khác

14.1. Đối với khách hàng

- (i) Cung cấp Biên bản họp HĐQT có nội dung thông qua phương án phát hành trái phiếu.
- (ii) Cung cấp OC theo đúng quy định và đầy đủ thông tin theo quy định.
- (iii) Khách hàng cam kết hàng quý chuyển doanh thu từ hoạt động kinh doanh về tài khoản của MSB tối thiểu tỷ đồng.
- (iv) Các nội dung khác tuân thủ theo nghị định 163/2018/NĐ-CP nghị định quy định về phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các văn bản sửa đổi/bổ sung/liên quan nếu có.



IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH VÀ KẾ HOẠCH THANH TOÁN GỐC LÃI CHO NHÀ ĐẦU TƯ
1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu

Tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành.

2. Phương thức và kế hoạch thanh toán gốc, lãi cho nhà đầu tư
Phương thức
*** Phương thức phân phối**

Bán trực tiếp cho nhà đầu tư thông qua đại lý phát hành trái phiếu là Công ty Cổ phần Chứng khoán KB Việt Nam.

*** Hình thức phát hành**

Phát hành riêng lẻ. Theo đó, toàn bộ số trái phiếu phát hành sẽ được đại lý phát hành chào bán và phân phối cho không quá 100 nhà đầu tư.

*** Đăng ký mua trái phiếu**
Thời hạn đăng ký và thanh toán

Thời hạn đăng ký sẽ bắt đầu từ ngày /05/2019 cho đến 15h30 ngày /05/2019.

Thời hạn thanh toán tiền mua Trái Phiếu: từ ngày /05/2019 cho đến 15h30 ngày /05/2019.

Đối tượng được đăng ký mua

Tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Kế hoạch thanh toán gốc, lãi cho nhà đầu tư:
2.1. Cân đối dòng tiền 3 năm 2018-2020

Bảng 19: Kế hoạch hoạt động kinh doanh

Đơn vị: Tỷ đồng

Khoản mục	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Doanh thu thuần bán hàng	11.868	16.137	16.931
Giá vốn hàng bán	10.076	13.594	14.053
Lợi nhuận gộp	1.792	2.543	2.878
% lợi nhuận gộp	15%	16%	17%
Doanh thu hoạt động tài chính	591	97	92
Chi phí hoạt động tài chính	858	844	823
Chi phí bán hàng	535	635	718
Chi phí quản lý doanh nghiệp	457	411	432
Lợi nhuận chuyển về từ công ty liên kết	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	532	749	996

Lợi nhuận khác	152	120	100
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	684	869	1.096
% lợi nhuận kế toán trước thuế trên doanh thu	6%	5%	6%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	166	169	191
Lợi nhuận sau thuế	517	700	905

Bảng 20: Kế hoạch Dòng tiền
Đơn vị: Tỷ đồng

Chi tiêu	2018-2019	2019-2020	2020-2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	11.868	13.469	15.342
- Thu bán đường	10.282	12.154	14.300
- Thu bán mật	415	420	437
- Thu bán điện	209	221	221
- Thu khác	963	674	384
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(8.437)	(9.336)	(10.009)
- Chi mua nguyên liệu mía	(2.034)	(2.062)	(2.063)
- Chi mua đường thô	(2.393)	(2.800)	(3.167)
- Chi mua đường kinh doanh	(2.505)	(2.805)	(2.869)
- Chi khác cho hoạt động KD (CPSXC)	(513)	(622)	(760)
- Chi cho hoạt động bán hàng	(535)	(635)	(718)
- Chi cho hoạt động quản lý doanh nghiệp	(457)	(411)	(432)
3. Tiền chi trả cho người lao động (Lương chính thức & thời vụ + BH)	(545)	(568)	(593)
4. Tiền chi trả lãi vay (ngắn và dài hạn)	(774)	(858)	(836)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(130)	(230)	(229)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	18	18	18
- Thu lãi TGNH, ứng vốn	8	8	8
- Thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-	-
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(185)	(187)	(185)
- Chi nộp thuế GTGT	(185)	(187)	(185)
- Chi khác cho HDKD			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.816	2.308	3.508
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(336)	(214)	(263)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	-	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(597)	(567)	(539)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(1.470)	(1.373)	(1.421)
- Chi tiền đầu tư góp vốn cho đơn vị khác	-	-	-



Chỉ tiêu	2018-2019	2019-2020	2020-2021
- Chi tiền đầu tư Nông dân	(1.470)	(1.223)	(1.091)
- Chi gói tiền có kỳ hạn	-	(150)	(330)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-
- Thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	591	97	92
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.812)	(2.058)	(2.131)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	500	1.300	-
2. Tiền chi vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	8.907	7.855	7.715
- Tiền vay ngắn hạn nhận được	7.365	7.849	7.715
- Tiền vay dài hạn nhận được	1.542	6	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(8.833)	(8.249)	(8.659)
- Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	(8.099)	(7.365)	(7.849)
- Tiền chi trả nợ gốc vay dài hạn	(734)	(884)	(810)
5. Tiền chi trả nợ trái phiếu	(450)	(500)	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(334)	(334)	(338)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(210)	72	(1.282)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	(207)	322	95
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	325	118	440
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	118	440	535

Bảng 21: Phân tích dòng tiền
Đơn vị: Tỷ đồng

Phân tích dòng tiền	Giá trị		
	2018-2019	2019-2020	2020-2021
Lợi nhuận sau thuế	517	700	905
+ Khấu hao	629	629	629
+ Chi phí lãi vay sau thuế	649	680	680
Dòng tiền trước thay đổi vốn lưu động	1.796	2.009	2.214
Thay đổi vốn lưu động	(1.749)	(1.674)	(1.877)
Thay đổi tồn kho	38	(7)	(1.001)
Thay đổi các khoản phải thu	(1.022)	(822)	(307)
Thay đổi các khoản phải trả	(765)	(845)	(570)
Chi phí đầu tư thuần			
Đầu tư tài sản cố định	(252)	(468)	(117)
Dòng tiền tạo ra cho công ty (FCFF)	47	335	337

Chi phí lãi vay sau thuế	(649)	(680)	(680)
Vay mới/(trả nợ vay)	6.442	6.120	6.120
Thay đổi VCSH	(1.038)	202	1.212
Dòng tiền tạo ra cho chủ sở hữu (FCFE)	4.801	5.977	6.988

2.2. Kế hoạch trả nợ gốc và lãi vay dài hạn và mua lại Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh và các nguồn thu khác của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán gốc và lãi của Trái phiếu.

Bảng 22: Kết quả sản xuất kinh doanh giai đoạn (tháng 4/2019 - tháng 3/2020)

Đơn vị: Tỷ đồng

Khoản mục	Đơn vị	Tổng cộng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
Doanh thu thuần		11.785	3.433	2.441	2.768	3.144
<i>Sản lượng</i>	<i>Tấn</i>	1.436.662	257.083	167.433	209.207	213.150
Giá vốn hàng bán		9.879	2.748	2.186	2.395	2.550
% lợi nhuận gộp	%	16,2%	20,0%	10,5%	13,4%	18,9%
Lợi nhuận gộp		1.906	685	255	372	594
Doanh thu hoạt động tài chính		591	103	221	121	146
Chi phí hoạt động tài chính		861	221	170	247	223
Lợi nhuận hoạt động tài chính		(270)	(118)	52	(126)	(77)
Chi phí bán hàng		409	184	95	76	54
Chi phí quản lý doanh nghiệp		301	111	82	74	34
Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh		750	271	130	96	253
Thu nhập khác		459	201	5	251	2
Chi phí khác		301	169	2	126	4
Lợi nhuận khác		158	32	3	125	(2)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		908	303	134	221	251
% lợi nhuận kế toán trước thuế trên doanh thu	%	7,7%	8,8%	5,5%	8,0%	8,0%
Thuế thu nhập doanh nghiệp		95	30	13	26	25
Lợi nhuận sau thuế		813	273	120	195	226



Bảng 23: Bảng dòng tiền (tháng 4/2019 - tháng 3/2020)
Đơn vị: Tỷ đồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	Tổng cộng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh	4.968	1.495	378	533	584
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	11.785	3.366	1.108	1.135	1.124
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(5.285)	(1.790)	(827)	(511)	(452)
3. Tiền chi trả cho người lao động	(289)	(95)	(32)	(26)	(37)
4. Tiền chi trả lãi vay	(810)	(170)	(58)	(52)	(60)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	(95)	(30)	(14)	(13)	(4)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	471	214	200	1	13
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(809)	-	-	-	-
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư	141	75	26	69	(20)
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(296)	(19)	(5)	(3)	(12)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	452	201	200	1	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-	-	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	-	-	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	(272)	(41)	(11)	(13)	(17)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	88	-	-	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	338	103	10	84	8
8. Tiền chi đầu tư khác	(169)	(169)	(168)	(0)	(0)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính	(3.613)	(1.897)	(813)	(301)	(782)
1. Tiền thu từ phát hành trái phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	1.800	500	-	500	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	-	-	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	6.542	1.280	491	529	260
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	(11.455)	(3.677)	(1.304)	(1.330)	(1.043)
5. Tiền chi trả nợ trái phiếu	(500)	-	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	-	-	-	-	-
Tiền và tương đương tiền					
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	8.727				
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	1.495				
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	10.222				

Bảng 24: Kế hoạch trả nợ và vay vốn ngân hàng

Đơn vị: Tỷ đồng

Chi tiêu	Tổng cộng	Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
Chi phí lãi vay	511	170	136	106	99
Trái phiếu 500 tỷ	52	13	13	13	13
Vay ngắn hạn	282	87	60	63	73
Vay dài hạn	176	71	63	30	13
Số dư đầu kỳ					
Trái phiếu 500 tỷ	-	-	500	500	500
Vay ngắn hạn	5.946	5.946	4.032	3.266	4.012
Vay dài hạn	3.102	3.102	2.619	2.514	594
Vay thêm trong kỳ					
Trái phiếu 500 tỷ	-	-	-	-	-
Vay ngắn hạn	6.442	1.262	1.803	1.863	1.515
Vay dài hạn	100	18	32	32	17
Trả nợ gốc trong kỳ					
Trái phiếu 500 tỷ	500	-	-	-	500
Vay ngắn hạn	7.978	3.176	2.568	1.117	1.117
Vay dài hạn	3.477	501	138	2.694	143
Số dư cuối kỳ					
Trái phiếu 500 tỷ	-	500	500	500	-
Vay ngắn hạn	4.410	4.032	3.266	4.012	4.410
Vay dài hạn	467	2.619	2.514	594	467

V. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH: CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA

Địa chỉ : Xã Tân Hưng, Huyện Tân Châu, Tỉnh Tây Ninh

Điện thoại : (0276) 375 3250

Fax: (0276) 383 9834

Website : <http://tcsugar.com.vn/>

ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (024) 7303 5333

Fax: (024) 3776 5928

Website : <https://www.kbsec.com.vn/>

TỔ CHỨC LƯU KÝ TRÁI PHIẾU: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Trụ sở chính : Tầng G, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City, 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại : (024) 7303 5333

Fax: (024) 3776 5928

Website : <https://www.kbsec.com.vn/>

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Trụ sở chính : Lầu 28, tòa nhà Bitexco Financial Tower, Số 2 Hải Triều, Quận 1, TP.HCM

Điện thoại : (028) 3824 5252

Fax: (028) 3824 5250

Website : <https://www.ey.com/vn/>

VI. CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa (TTC-BH) xin lưu ý các nhà đầu tư về các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng tới kết quả kinh doanh, qua đó ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng trả gốc và lãi trái phiếu của Công ty. Có thể có những vấn đề và những rủi ro khác mà hiện Công ty không biết đến hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến khoản đầu tư trái phiếu.

1. Rủi ro về kinh tế

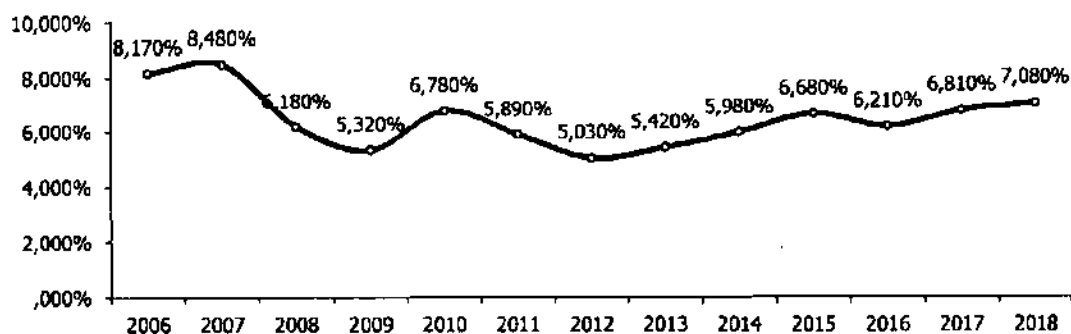
1.1. Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Thực trạng và xu hướng phát triển của nền kinh tế trong nước luôn ảnh hưởng đến sự tồn tại và phát triển của các doanh nghiệp. Khi nền kinh tế ở giai đoạn tăng trưởng cao sẽ tạo nhiều cơ hội cho doanh nghiệp phát triển. Ngược lại, khi nền kinh tế sa sút, suy thoái sẽ gây ảnh hưởng tiêu cực cho các doanh nghiệp.

Giai đoạn 2013-2014, tuy vẫn còn nhiều khó khăn nhưng kinh tế Việt Nam đã có những biến chuyển theo hướng tích cực hơn so với năm 2012, mức tăng GDP cả năm 2013 đạt 5,52%, và tốc độ tăng GDP

năm 2014 đạt 5,98%.

Hình 4: Tốc độ tăng trưởng GDP



Nguồn: GSO

Theo Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2015 đạt 6,68% cao hơn nhiều so với cùng kỳ năm trước và vượt trên mức mục tiêu Quốc hội đặt ra đầu năm là 6,2%. Năm 2016, GDP tăng 6,21% so với năm 2015, thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015, và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công. Năm 2017, GDP tăng 6,81% so với năm 2016, mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Năm 2018, tốc độ tăng trưởng GDP năm 2018 đạt 7,08%; vượt mục tiêu 6,7% đặt ra và là mức tăng cao nhất kể từ năm 2008 trở lại đây.

Ngân hàng Thế giới (World Bank – WB) cho rằng việc nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu và rộng vào nền kinh tế chung của thế giới sẽ chịu ảnh hưởng trực tiếp cũng như gián tiếp từ các nền kinh tế khác vốn đang có xu hướng tăng trưởng chậm lại. Trong khoảng thời gian vừa qua, những diễn biến khó dự đoán trong chính sách của tân Tổng thống Mỹ đã tác động lên những dự đoán về tương lai của nền kinh tế toàn cầu nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng. Diễn hình như những chính sách bảo vệ doanh nghiệp Mỹ và lao động của chính phủ Mỹ sẽ gây ra những rào cản nhất định cho ngành xuất khẩu Việt Nam. Do đó, nền kinh tế Việt Nam vẫn sẽ đảm bảo tăng trưởng nhưng sẽ chậm hơn so với thời kỳ trước. Về trung hạn, tăng trưởng được dự báo sẽ ổn định ở mức 6,5% giai đoạn 2019 – 2020.

Nền kinh tế Việt Nam vẫn có thể trông chờ vào các yếu tố như: (i) Khoảng trống về việc cải cách thể chế tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp và giới đầu tư nhằm thu hút thêm nguồn lực; (ii) Nội lực của nền kinh tế Việt Nam vẫn còn dồi dào đến từ quy mô dân số lớn, cơ cấu dân số trẻ, các ngành hàng nội địa đem lại giá trị thặng dư lớn cho nền kinh tế vẫn còn chưa phát triển và (iii) Tiềm lực từ nguồn vốn ngoại, đầu tư công và kiều hối vẫn còn nhiều dư địa để tăng trưởng kèm theo đó là các công nghệ, quy trình xây dựng phát triển bài bản từ các nước phát triển sẽ hỗ trợ thúc đẩy nền kinh tế Việt Nam.

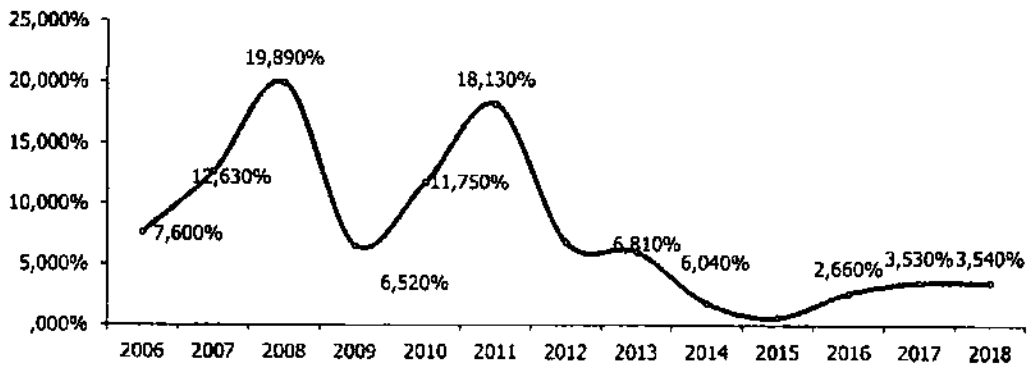
1.2. Lạm phát

Với nỗ lực từ phía Chính phủ và Ngân hàng nhà nước, cung tiền được điều tiết hợp lý, mặt bằng giá cả ổn định hơn đã kiềm hãm được mức tăng của chỉ số CPI. Điều này được thể hiện khá rõ qua các báo cáo của Tổng cục thống kê về tình hình kinh tế xã hội Việt Nam năm 2013 và 2014. Theo báo cáo này, năm 2013 và năm 2014 chỉ số CPI bình quân chỉ còn tăng lần lượt là 6,04% và 4,09% so với năm 2012



và năm 2013. Nền kinh tế Việt Nam tiếp tục chứng kiến xu hướng giảm của mức tăng lạm phát trong năm 2014 xuống mức 4,09% so năm 2013. Năm 2015 là năm có chỉ số giá tiêu dùng tăng thấp nhất trong 15 năm trở lại đây khi chỉ số giá tiêu dùng năm 2015 chỉ tăng nhẹ 0,63% so với năm 2014. Năm 2016 CPI bình quân năm đạt 2,66%, tăng cao hơn so với bình quân năm 2015. Mức tăng CPI bình quân năm 2017 tăng 3,53% so với bình quân năm 2016, dưới mục tiêu Quốc hội đề ra. CPI bình quân năm 2018 tăng 3,54% so với năm 2017. Như vậy, mục tiêu kiểm soát lạm phát, giữ CPI bình quân năm 2018 dưới 4% đã đạt được trong bối cảnh điều chỉnh được gần hết giá các mặt hàng do nhà nước quản lý đặt ra trong năm 2018. Dự kiến trong thời gian tới, khi rủi ro về lạm phát tiếp tục được kiểm chế ở mức ổn định sẽ tạo ra những ảnh hưởng tích cực tới hoạt động triển khai dự án của Công ty.

Hình 5: Tỷ lệ lạm phát



Nguồn: GSO

1.3. Tỷ giá

Trong những năm gần đây, Ngân hàng nhà nước đã đưa ra những chính sách vô cùng linh hoạt với nỗ lực kiểm soát chặt chẽ rủi ro tỷ giá và bình ổn thị trường ngoại hối. Cụ thể, giai đoạn 2013 - 2014, biên độ điều hành tỷ giá khá ổn định ở mức tăng 2%/năm, đã góp phần tích cực ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì được sức mua đối ngoại của đồng Việt Nam, trong bối cảnh sức mua đối nội cũng đã được khôi phục. Tiếp đến năm 2015, lường trước những thông tin Cục Dự trữ Liên bang Mỹ có thể điều chỉnh lãi suất vào tháng 9/2015 và sự phá giá đồng Nhân dân tệ, Ngân hàng Nhà nước đã có những chính sách điều chỉnh linh hoạt, ba lần thực hiện điều chỉnh tỉ giá bình quân liên ngân hàng và hai lần điều chỉnh tăng biên độ tỷ giá đồng thời công bố sẽ không điều chỉnh tỉ giá đến cuối năm 2015 đã giúp cho thị trường ngoại hối dần ổn định. Năm 2016 được cho là năm nền kinh tế toàn cầu sẽ có nhiều biến động cùng với tình hình chính trị bất ổn, làm cho rủi ro tỷ giá ngày càng tăng cao như việc giảm giá các đồng tiền chính trong khu vực, hay giá đồng USD tăng (tăng 2,23% so với năm 2015). Năm 2017, tỷ giá được giữ tương đối ổn định (tăng 1.4% so với năm 2016) do đồng USD mất giá trên thị trường quốc tế. Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung Quốc tác động đáng kể lên tỷ giá hối đoái năm 2018. Từ đầu năm 2018 đã ba lần Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) tăng lãi suất. Tại Việt Nam, lãi suất USD trên liên ngân hàng cũng đã duy trì trên 2,3%/năm các kỳ hạn ngắn suốt thời gian qua thay vì dễ chịu quanh 1% cùng kỳ 2017 và 2016. Đến nay, về cơ bản lãi suất và tỷ giá Ngân hàng Nhà nước vẫn giữ được ổn định, nhưng tầm nhìn và sự chủ động đang đòi hỏi xa hơn. Mức độ biến động của tỷ giá USD/VND năm 2019 được dự đoán sẽ chỉ xấp xỉ như 2018. Ít có khả năng xảy ra những diễn biến “giật cục” ảnh hưởng tiêu cực đến tâm lý thị trường. Hiệu quả của chính sách điều hành tỷ giá trung

tâm của NHNN được hy vọng sẽ hạn chế rủi ro về tỷ giá trong thời gian tới.

2. Rủi ro liên quan đến đợt phát hành

2.1. Rủi ro của đợt chào bán

TTC-BH thực hiện đợt chào bán trái phiếu trong thời điểm nền kinh tế cũng như thị trường chứng khoán Việt Nam đang trong giai đoạn hồi phục, nền kinh tế vĩ mô đã xuất hiện nhiều tín hiệu khả quan. Những biểu hiện tích cực từ nền kinh tế sẽ là cơ sở để các nhà đầu tư chuyên nghiệp chú trọng hơn tới trái phiếu của doanh nghiệp.

Với kết quả thực tiễn và tiềm năng hoạt động kinh doanh của Công ty, việc chào bán thành công trái phiếu của Công ty được đánh giá là khả quan và gặp ít rủi ro.

2.2. Rủi ro thanh toán

Mặc dù TTC-BH đã thận trọng trong việc lập kế hoạch kinh doanh, nhưng cũng có nhiều tác động không thể dự đoán được có thể làm ảnh hưởng đến dòng tiền của doanh nghiệp và thông qua đó ảnh hưởng đến khả năng thanh toán lãi và gốc trái phiếu của các đợt phát hành. Tình thanh khoản của thị trường thứ cấp

Trái Phiếu sẽ không được đăng ký niêm yết và giao dịch tại bất kỳ sở giao dịch chứng khoán nào tại Việt Nam. Trái Phiếu có thể không được phân bổ rộng rãi và hiện tại không có thị trường giao dịch mang tính thanh khoản cao nào. Do đó, không có gì đảm bảo về khả năng thanh khoản của Trái Phiếu trên bất kỳ thị trường giao dịch nào và không có gì đảm bảo rằng Người Sở Hữu Trái Phiếu có khả năng bán Trái Phiếu của mình, hoặc có thể bán Trái Phiếu của mình ở mức giá thể hiện đúng giá trị của Trái Phiếu.

Các khoản thanh toán tiền lãi Trái Phiếu có thể bị giảm trừ hoặc khấu trừ thuế nếu pháp luật yêu cầu

Tổ Chức Phát Hành không phải cộng gộp các khoản khấu trừ đối với các nghĩa vụ thanh toán của mình đối với Trái Phiếu và pháp luật hiện hành có quy định về thuế đối với tiền lãi Trái Phiếu và thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu.

Bảo đảm cho Trái phiếu

Trái Phiếu sẽ được đảm bảo: cam kết sử dụng nguồn thu bổ sung từ việc bán 61.600.900 cổ phiếu quỹ của Công ty Cổ phần Thành Thành Công – Biên Hòa, hiện đang niêm yết trên Sàn Giao Dịch Chứng Khoán Hồ Chí Minh với mã chứng khoán SBT, do Tổ Chức Phát Hành sở hữu và được lưu ký và /hoặc phong tỏa tại Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán MB. Nguồn thu này được xem là nguồn tiền bổ sung có thể thực hiện nghĩa vụ cam kết thanh toán của Tổ Chức Phát Hành đối với Những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Và Điều Kiện Của Trái Phiếu.

Người sở hữu trái phiếu cần đọc kỹ và cân nhắc các rủi ro liên quan như trình bày dưới đây.

Việc thế chấp nguồn thu bổ sung từ việc bán 61.600.900 cổ phiếu quỹ do Tổ Chức Phát Hành sở hữu phải phù hợp với quy định của pháp luật. Đồng thời, việc thế chấp này cũng phát sinh rủi ro thị trường, khi giá cổ phiếu niêm yết giảm so với thời điểm Tổ Chức Phát Hành mua cổ phiếu làm cổ phiếu quỹ, vì vậy sẽ ảnh hưởng đến nguồn thu khi Tổ Chức Phát Hành bán cổ phiếu quỹ.

Việc bảo đảm có thể bị xem là vô hiệu trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành phá sản trong vòng sáu tháng kể từ ngày ký các Hợp Đồng Bảo Đảm hoặc theo quy định pháp luật.

Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Luật Phá Sản Số 51/2014/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2014 (“**Luật Phá Sản 2014**”) thay thế quy định về vô hiệu của thế chấp, cầm cố tài sản thực hiện trong thời gian xác định trước ngày Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục như được quy định trong Luật Phá



Sản Số 21/2004/QH11 ngày 15 tháng 6 năm 2004 bằng việc vô hiệu các thể chấp, cầm cố phát sinh do việc doanh nghiệp chuyển khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm trong thời gian sáu tháng trước ngày Tòa án nhân dân ra quyết định mở thủ tục phá sản bị coi là vô hiệu.

Ngoài giao dịch với mục đích tẩu tán tài sản, Luật Phá Sản 2014 cũng bổ sung các tình huống giao dịch có thể bị coi là vô hiệu bao gồm, giao dịch chuyển nhượng tài sản không theo giá thị trường, giao dịch ngoài mục đích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong thời gian sáu tháng trước ngày Tòa án nhân dân ra quyết định mở thủ tục phá sản. Trong khi việc bổ sung giao dịch chuyển nhượng tài sản không theo giá thị trường là hợp lý, việc bổ sung giao dịch ngoài mục đích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có thể ảnh hưởng đến hiệu lực của giao dịch xử lý tài sản bảo đảm vì các giao dịch này có thể bị giải thích là không nằm trong mục đích kinh doanh của doanh nghiệp. Luật Phá Sản 2014 không quy định việc phải xin phép để xử lý tài sản bảo đảm sau khi mở thủ tục phá sản nhưng có quy định khoản nợ có bảo đảm được xác lập trước khi Tòa án nhân dân thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản được thanh toán bằng tài sản bảo đảm đó.

Nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán đối với Trái Phiếu không được bảo đảm bằng tài sản của bên bảo lãnh thanh toán

Nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi và các khoản tiền khác liên quan đến Trái Phiếu được bảo lãnh thanh toán bởi Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công. Tuy nhiên nghĩa vụ bảo lãnh này không được bảo đảm bằng tài sản của bên bảo lãnh hoặc của bất kỳ bên thứ ba nào. Do đó, nghĩa vụ thanh toán liên quan đến Trái Phiếu của bên bảo lãnh là nghĩa vụ thứ cấp so với các nghĩa vụ được bảo đảm bằng tài sản của chính bên bảo lãnh đó.

Trong trường hợp bên bảo lãnh bị phá sản, thanh lý, tổ chức lại hoặc giải thể và nghĩa vụ thanh toán theo Trái Phiếu của bên bảo lãnh cũng đồng thời phát sinh thì Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ có thể được bên bảo lãnh thực hiện việc thanh toán đối với Trái Phiếu sau khi tất cả các khoản nợ có bảo đảm của bên bảo lãnh đã được hoàn trả bằng tài sản đã được bên bảo lãnh dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản nợ tương ứng. Không thể đảm bảo rằng bên bảo lãnh có đủ tài sản để thanh toán các khoản tiền đến hạn của Trái Phiếu trong trường hợp bên đó phá sản, thanh lý, tổ chức lại hoặc giải thể.

3. Rủi ro luật pháp

TTC-BH hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, mọi hoạt động của TTC-BH được điều chỉnh bởi hệ thống các văn bản pháp luật bao gồm: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan.

Việt Nam đang trong quá trình phát triển và hội nhập với kinh tế thế giới, tuy nhiên khung pháp lý và luật pháp vẫn chưa được đổi mới tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế và đang trong quá trình nỗ lực xây dựng và hoàn thiện. Do vậy mọi thay đổi có thể dẫn đến những ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

4. Rủi ro đặc thù

4.1. Rủi ro về biến động giá nguyên liệu đầu vào

Mía là nguyên liệu chính phục vụ cho quá trình sản xuất và kinh doanh của TTC-BH. Sự sụt giảm về diện tích trồng mía do có sự cạnh tranh của các cây trồng khác tại vùng nguyên liệu Tây Ninh là mối e ngại lớn đối với TTC-BH nói riêng và các nhà máy đường nói chung trên địa bàn. Đứng trước nguy cơ này, trong ngắn hạn TTC-BH đã chủ động mở rộng đầu tư vùng nguyên liệu tại các tỉnh và vùng lân cận, không ngừng phát triển mía vùng gần nhà máy nhằm rút ngắn thời gian, khoảng cách vận chuyển mía, phát triển quỹ đất sở hữu hoặc thuê dài hạn nhằm chủ động nguyên liệu sản xuất. Đồng thời, để khôi phục và mở rộng diện tích vùng nguyên liệu trong dài hạn, TTC-BH đã nghiên cứu khảo

nghiệm các giống cây trồng phù hợp với đất đai thổ nhưỡng vùng cũng như đề ra hàng loạt các giải pháp liên quan đến cơ giới hóa, kỹ thuật canh tác, quản lý thu hoạch, xây dựng cơ sở hạ tầng,... nhằm đảm bảo thu nhập cho bà con nông dân, tạo tâm lý an tâm để gắn bó cây mía.

4.2. Rủi ro về thị trường và cạnh tranh

Đường lạt vẫn là một vấn đề đáng lo ngại đối với các doanh nghiệp trong ngành, đặc biệt trong thời gian tới hàng rào thuế quan sẽ dỡ bỏ trong khối ASEAN buộc các doanh nghiệp sản xuất đường trong nước cần nghiêm túc xem xét yếu tố cạnh tranh là điều kiện tiên quyết để tìm ra giải pháp có thể cạnh tranh và đứng vững trong giai đoạn sắp tới. Yêu cầu đặt ra là TTC-BH phải xem xét mọi yếu tố trong đó chú trọng nâng cao năng lực sản xuất, tạo sản phẩm đạt tiêu chuẩn cao về chất lượng nhưng giá thành ở mức thấp nhất.

4.3. Rủi ro từ sản phẩm thay thế

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường ngày một khó khăn, chỉ số giá tiêu dùng tại lĩnh vực liên quan đến hàng tiêu dùng, bánh kẹo, nước giải khát... ngày một tăng cao, để tiết giảm chi phí và giữ vững thị phần buộc các doanh nghiệp này cũng phải nghiên cứu và sử dụng sản phẩm thay thế với chi phí thấp hơn nhằm tiết giảm giá thành sản xuất. Do đó, nguy cơ sụt giảm khách hàng trong phân khúc này có thể tạo áp lực về tiêu thụ cho các Doanh nghiệp sản xuất đường, bao gồm cả TTC-BH.

5. Rủi ro khác

Tình hình dịch bệnh ảnh hưởng tới sức khỏe cộng đồng, gần đây nhất là dịch bệnh Ebola bùng phát ở Châu Phi và có nguy cơ lan rộng, có thể ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và tình hình sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành nói riêng.

Ngoài ra, những vấn đề về chính trị như bất ổn ở Biển Đông, bạo động và đình công ở các doanh nghiệp cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến sự phát triển kinh tế của Việt Nam và tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành v.v...

“DANH MỤC CÁC YẾU TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA.

CÔNG TY KHẲNG ĐỊNH RẰNG NẾU XẢY RA BẤT KỲ SỰ KIỆN VI PHẠM NÀO (VI PHẠM MỘT TRONG CÁC CAM KẾT HOẶC ĐỀ XẢY RA BẤT KỲ SỰ KIỆN NÀO TRONG ĐIỀU SỰ KIỆN VI PHẠM TẠI CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU), CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA - VỚI TƯ CÁCH LÀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH - SẼ KHÔNG VIỆN DẪN CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN ĐỂ LẤN TRÁNH VIỆC TUÂN THỦ NGHĨA VỤ VÀ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY THEO CÁC ĐIỀU KHOẢN ĐIỀU KIỆN TRÁI PHIẾU ĐƯỢC BAN HÀNH TẠI BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN NÀY.”



PHỤ LỤC

- 1. BẢN SAO HỢP LỆ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**
- 2. BẢN SAO HỢP LỆ ĐIỀU LỆ CÔNG TY**
- 3. BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ KIỂM TOÁN NĂM TÀI CHÍNH 2015, 2016, 2017, 6T2018**
- 4. NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RIÊNG LẼ NĂM 2019**
- 5. CÁC TÀI LIỆU KHÁC CÓ LIÊN QUAN**

Ngày 26 tháng 04 năm 2019

th **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH** *kt*

CÔNG TY CỔ PHẦN THÀNH THÀNH CÔNG – BIÊN HÒA *th*

CHỦ TỊCH HĐQT



Phạm Hồng Dương

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH

VÀ ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH, ĐẠI LÝ LƯU KÝ TRÁI PHIẾU

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM